

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TÀI

QUYỂN 5

ĐÔNG HÁN

Bính Tý: Chương Đế, tên là Thản, con thứ năm của Minh Đế, mười chín tuổi lên ngôi, đổi niên hiệu là Kiến Sơ. Tháng một năm Mậu Tý ông mất ở điện Chương Đức, an táng tại Kính lăng, thọ ba mươi một tuổi, trị vì được mười ba năm.

Canh Thìn: Vua sai Trịnh Huyền... làm Bạch hổ thông.

Giáp Thân: Đổi niên hiệu là Nguyên Hòa. Thứ sử Từ châu là Vương Cảnh dâng vua hình người bằng vàng, vua khen đẹp. Tiên đế cho đó là ân của Phật (việc này có ghi trong Hán thư). Năm này có những điềm lành như thần tước, phượng hoàng, bạch hổ, bạch điều (chim sẻ thần, phượng hoàng, hổ trắng, chim trắng).

Đinh Hợi: Đổi niên hiệu là Chương Hòa.

Kỷ Sửu: Hòa Đế: Tên là Triệu con thứ tư của Chương Đế, mười tuổi lên ngôi, đổi niên hiệu là Vĩnh Nguyên. Năm Ất Tỵ ông mất trước điện Chương Đức, an táng tại Thận lăng, thọ hai mươi bảy tuổi, trị vì được mười bảy năm.

Ất Tỵ: Đổi niên hiệu là Nguyên Hưng.

Bính Ngọ: Thương Đế: Tên là Long, con út của Hòa Đế, sau khi sinh hơn được một trăm ngày thì lên ngôi. Tháng mười hai niên hiệu Nguyên Hưng năm đầu, đổi niên hiệu là Diên Bình. Bấy giờ Đặng thái hậu lâm triều giải quyết chánh sự. Tháng tám năm sau ông mất ở trước điện Sùng Đức, an táng ở Khương lăng, thọ hai tuổi, trị vì được một năm.

1. An Đế: (Đinh Mùi)

Tên là Hựu cháu của Chương Đế, con của Thanh Hà Hiếu Vương Khánh, mười ba tuổi lên ngôi, đổi niên hiệu là Vĩnh Sơ. Tháng hai năm Ất Sửu, nhân đi tuần thú phía Đông, đến đất Diệp mất luôn trên xa giá,

an táng ở Cung lăng, thọ ba mươi hai tuổi, trị vì mười chín năm.

Giáp dần: Đổi niên hiệu là Nguyên Sơ.

2. *Tổ 21: Bà-tu-bàn-đầu:* (Đinh Ty)

Ngài họ Tỳ-xá-khư, sinh trưởng tại thành La duyệt. Cha là Quang Cái, mẹ là Nghiêm Nhất. Gia đình Quang Cái rất giàu có nhưng không có con. Cha mẹ ngài cùng đi lễ tháp Phật cầu con nối dõi. Một hôm bà nằm mộng thấy mình nuốt hai hạt châu một sáng một tối, tỉnh dậy bà biết mình có thai. Bảy ngày sau, có một La-hán tên là Hiền Chúng đến nhà hai ông bà. Quang Cái ra lạy chào hỏi, Hiền Chúng ngồi ngay thẳng để ông lễ lạy. Kế đến bà Nghiêm Nhất ra lạy chào, Hiền Chúng liền tránh sang một bên cung kính chào lại và nói: Tôi xin đành lễ lại Pháp thân Đại sĩ.

Quang Cái chẳng hiểu nguyên do, bèn cầm hạt bảo châu quỳ xuống dâng cho Hiền Chúng, để thử thực hư thế nào, Hiền Chúng liền nhận châu, nhưng không cảm tạ. Quang Cái không thể nhẫn nại được nữa bèn hỏi: Tôi là chồng, dâng châu cho ngài mà ngài chẳng đoái hoài đến, vợ tôi có đức gì mà Tôn giả tránh sang một bên?

Hiền Chúng đáp: Ta nhận ông lễ lạy, nhận châu của ông là tôn trọng phước báo của ông. Còn vợ ông đang mang thai Thánh nhân, ngày sau sẽ làm mặt trời trí tuệ soi sáng thế gian, cho nên ta phải tránh sang một bên, chứ ta không có ý trọng nữ khinh nam.

Hiền Chúng lại nói: Vợ ông sẽ sinh đôi, một đứa tên là Bà-tu-bàn-đầu, là người mà ta tôn kính. Đứa kia tên là Sô-ni, (Hán dịch là Lã Thước Tử). Xưa kia khi Như Lai tu hành tại Tuyết sơn, Sô-ni làm tổ trên đỉnh đầu Phật để che nắng che mưa cho ngài. Khi Phật đã thành đạo, nhờ phước báo ấy nên Sô-ni làm vua nước Na-đề. Phật thọ ký cho ông ấy rằng: “Trong năm mươi năm sau khi ta Niết-bàn, ông sẽ sinh trong nhà của Tỳ-xá-khư ở thành La duyệt, đồng bào thai với Thánh nhân”. Nay quả thật không sai.

Quả nhiên một tháng sau, bà sinh ra hai đứa con, năm mười lăm tuổi, Bà-tu-bàn-đầu đành lễ La-hán Quang Độ xin xuất gia, do phước báo chiêu cảm lại được Bồ-tát Tỳ-bà-ha truyền trao giới pháp.

Sau khi đắc pháp với Tôn giả Xà-dạ-đa, ngài du hóa đến nước Na-đề. Quốc vương nước này tên là Thường Tự Tại, ông có hai người con. Con trưởng tên là Ma-ha-la, con thứ tên là Ma-noa-la. Quốc vương Na-đề hỏi ngài:

- Đất đai phong tục ở thành La duyệt so với nơi này giống nhau

hay khác nhau?

- Ở thành La duyệt từng có ba vị Phật xuất thế, còn đất nước nhà vua hiện nay có hai Tôn giả giáo hóa.

- Hai Tôn giả ấy là ai?

Phật thọ ký: Trong năm trăm năm thứ hai có Thần lực Đại sĩ xuất gia tiếp nối dòng Thánh. Ông ấy chính là con thứ của nhà vua, Ma-noa-la. Tôi tuy đức mỏng nhưng cũng cố dẫn dắt người này.

Nếu quả đúng như lời ngài vừa nói, thì con xin cho nó xuất gia làm Sa-môn.

Ngài nói: Lành thay! Đại vương! Ông nên theo ý chỉ của Phật.

Sau khi Ma-noa-la xuất gia thọ giới. Ngài liền phú pháp cho và nói kệ rằng:

*Bọt huyễn đồng không ngại
Tại sao chẳng liễu ngộ
Đạt pháp ngay trong ấy
Chẳng xưa cũng chẳng nay.*

Sau khi truyền pháp xong, ngài bay bổng lên hư không cao đến nửa do-tuần, ngồi yên trên ấy. Bốn chúng thấy vậy liền ngược lên cầu thỉnh. Ngài liền hạ thấp xuống ngồi kiết già mà thị tịch. Ma-noa-la cùng bốn chúng trà-tỳ, thâu lấy xá-lợi, dựng tháp cúng dường. Bấy giờ là năm Đinh Ty, nhằm đời Hậu Hán An Đế năm thứ mười một.

Canh Thân: Đổi niên hiệu là Vĩnh Ninh.

Tân Dậu: Đổi niên hiệu là Kiến Quang.

Nhâm Tuất: Đổi niên hiệu là Diên Quang.

Giáp Tý bốn mươi bảy: Vua trị vì được mười tám năm.

Bính Dần: Bắc Vương Hậu: Tên là Ý, cháu của Chương Đế, con của Tề Bắc Vương Thọ, do Diêm thái hậu lập lên làm vua. Tháng ba năm này lên ngôi, đến tháng mười thì mất. Ông trị vì được hai trăm bảy mươi hai ngày.

Thuận Đế: Tên là Bảo, con của An Đế, mười một tuổi lên ngôi, cha con Lương Thương nắm triều chính. Ông đổi niên hiệu là Vĩnh Kiến. Tháng tám năm Giáp Thân mất trước điện Ngọc đường thọ ba mươi tuổi, an táng ở Hiến lăng. Vĩnh Ninh năm đầu ông còn làm thái tử, ông trị vì được mười chín năm.

Nhâm Thân: Đổi niên hiệu là Dương Gia.

Bính Tý: Đổi niên hiệu là Vĩnh Hòa.

Nhâm Ngọ: Đổi niên hiệu là Hán An.

Giáp Thân: Đổi niên hiệu là Kiến Khương.

Ất Dậu: Xung Đế: Tên là Bính, con của Thuận Đế, mẹ là Ngu Quý. Tháng tám năm Giáp Thân niên hiệu Kiến Khương ông lên ngôi, bấy giờ chỉ mới hai tuổi. Ông đổi niên hiệu là Vĩnh Gia. Bấy giờ Lương thái hậu lâm triều, Lương Dực làm phụ chánh. Tháng ba năm sau ông mất ở trước điện Ngọc đường, an táng ở Hoài lăng, thọ ba tuổi, trị vì được một năm.

Bính Tuất: Chất Đế: Tên là Toàn, là Huyền tôn của Chương Đế, con của Bột Hải Dương Hồng, lên ngôi năm tám tuổi, đổi niên hiệu là Bản Sơ. Bẩm tính rất thông minh, có lần thiết triều, ông gặp Lương Dực, ông gọi: Bạt Hồ tướng quân! Lương Dực rất ghét, nên chuốc thuốc độc ông ở trước điện Ngọc đường, an táng tại Tĩnh lăng, thọ chín tuổi, trị vì được một năm.

3. Hoàn Đế: (Đình Hối)

Tên là Chí, là Tăng tôn của Chương Đế, con của Lãi Ngô Hầu Dực, ông lên ngôi năm mười lăm tuổi, Lương Dực làm phụ chánh, ông đổi niên hiệu là Kiến Hòa. Năm Đinh Mùi niên hiệu Vĩnh Khương, ông mất trước điện Đức dương, an táng tại Tuyên lăng, thọ ba mươi sáu tuổi, trị vì được hai mươi một năm.

4. Sa-môn An Thế Cao đến Lạc Dương:

Sa-môn An Thanh, tự là Thế Cao, người nước An Tức. Ngài vốn là thế tử sắp được truyền ngôi, nhưng nhường lại cho thúc phụ rồi bỏ nước xuất gia. Sau đó ngài đến kinh đô Lạc Dương, dịch được hai mươi chín bộ kinh, tổng cộng một trăm bảy mươi sáu quyển. Ngài kết thúc sự nghiệp phiên dịch vào đời Linh Đế niên hiệu Kiến Ninh năm thứ ba.

Có một lần ngài cùng mọi người đi thuyền đến đất Cung thuộc Lô sơn. Thuyền ghé vào một cái miếu, mọi người đều vào trong miếu lạy Thần, vì cho rằng Thần rất linh, thường nổi gió để thuyền bè qua lại. Trên thuyền có một người xin Thần miếu một cây trúc. Nhưng Thần này chưa đồng ý mà người kia đã chặt, nên Thần nổi giận lật úp thuyền, đưa cây trúc ấy về chỗ cũ. Những người qua lại thấy chuyện ấy sợ toát mồ hôi. Người trên thuyền của ngài liền đem lễ vật đến lễ lạy cầu phước. Thần miếu liền nói: Trên thuyền có vị Sa-môn, các người không cùng ông ấy đến đây đây chứ?

Ngài bèn đến dưới miếu, Thần gắng gượng nói chuyện với ngài, rồi khóc mà nói rằng: Nhà đệ tử ở tại hồ này, trong phạm vi một ngàn dặm quanh đây thuộc quyền cai quản của con. Do đời trước quá sân hận

nên đời này con mắc phải quả báo hình hài xấu xí. Lại nữa mai này mắt đi tắt sinh vào địa ngục. Nay có một ngàn tấm lụa mềm, cùng vô số đồ trang sức, xin ngài đem số của cải này dựng chùa xây tháp làm phước cho con nơi âm cảnh.

Ngài liền đồng ý. Ngài lại bảo Thần miếu:

- Ông hãy hiện hình để ta xem ông khổ sở thế nào?

- Hình hài con xấu xí, con thật không dám.

- Thì ông cứ lần lượt hiện cho ta xem đi!

Thế rồi thần miếu bắt đầu hiện nguyên hình, chiếc đầu to bự dưới bức trướng là đầu của con măng xà to lớn. Thấy thế ngài liền dùng Phạm chú chú nguyện cho nó. Con măng xà rơi lệ, rồi không thấy đâu nữa.

Thuyền của ngài chuẩn bị đi, thì bỗng có một thiếu niên quỳ ở trước thuyền. Ngài niệm chú, nó liền đi mất. Mọi người trên thuyền hỏi: Thằng bé đó là ai? Ngài đáp: Đó là Thần miếu đã thoát khỏi hình măng xà, nên đến đây cảm tạ.

Sau đó ngài đến Duyệt châu dựng chùa, đó là ngôi chùa Đại An ngày nay. Do ngài lập ra, nên lấy tên ngài đặt tên chùa. Đây cũng là ngôi chùa tháp đầu tiên ở Giang Hoài.

Canh Dần: Đổi niên hiệu là Hòa Bình. Trong năm này có vị Sa môn nước Nguyệt Chi là Chi-lâu-ca-sám (cũng gọi là Chi-sám) đến Lạc Dương. Từ nhỏ ngài vốn học nhiều ngôn ngữ, thông thạo Hán tự, nên ngài cũng dịch kinh. Tính đến niên hiệu Trung Bình, ngài dịch được hai mươi một bộ tổng cộng sáu mươi ba quyển. Niên hiệu Vĩnh Hưng năm đầu, Hoàn Đế đúc tượng Phật bằng vàng, cùng tượng của Lão Tử đặt trong cung, dùng trăm thứ vật báu kết thành hoa che phủ phía trên. Ông đích thân lễ lạy thờ cúng. Cho nên thời bấy giờ bá tánh hưởng ứng theo, thờ Phật vô kể.

Tân Mão: Đổi niên hiệu là Nguyên Gia. Đến năm này, Thế Tôn diệt độ được một ngàn một trăm năm.

Quý Ty: Đổi niên hiệu là Vĩnh Hưng.

Ất Mùi: Đổi niên hiệu là Vĩnh Thọ.

Mậu Tuất: Đổi niên hiệu là Diên Hy.

5. Tổ 22: Ma-noa-la: (Kỷ Ty)

Ngài là con của Thường Tự Tại Vương vua nước Na Đế. Năm ba mươi tuổi ngài gặp tổ Bà-tu-bàn-đầu, sau khi được Tổ độ xuất gia, truyền trao chánh pháp, ngài hoàng hóa đến vùng Tây Ấn.

Quốc vương nước này thuộc dòng dõi Cù-đàm, tên là Đắc Độ. Từ lâu ông vua này đã quy y Phật pháp, tu hành rất tinh tấn.

Một hôm, từ dưới đất bỗng hiện ra một cái tháp nhỏ, ngay chỗ vua tu hành. Vua muốn bưng lên đem về cung để cúng dường, nhưng không ai nhắc lên nổi. Cuối cùng vua liền mở đại hội, triệu tập ba chúng: Phạm hạnh, Thiên quán và Chú thuật đến để hỏi duyên do. Bảy giờ ngài cũng đến dự đại hội. Ba chúng hội ấy không ai giải được sự kỳ diệu đó. Ngài bèn nói với nhà vua về nguồn gốc của bảo tháp ấy là do A-dục Vương kiến tạo và hôm nay xuất hiện ở đây, chính là nhờ phước lực của nhà vua.

Nghe xong những lời ấy, vua liền thốt lên: Bạc chí Thánh khó gặp, thú vui ở đời đâu thể bền lâu.

Nói xong, vua truyền ngôi cho thái tử, theo ngài xuất gia, chỉ bảy ngày sau ông liền chứng quả La-hán. Bảy giờ ngài an ủi, dặn dò vua rằng: Ông ở lại nước này tự mình gắng độ người, hiện nay ở thành kia có bậc Đại pháp khí, ta phải đến đó độ ông ấy.

Vua nói: Thầy ứng tích khắp mười phương, chỉ cần khởi niệm là đến ngay, đâu cần phải nhọc công đi qua bên ấy.

Ngài nói: Đúng vậy.

Thế rồi ngài đốt hương, từ nước này nói vọng sang nước Nguyệt Thị mà bảo với Tỳ-kheo Hạc lạc -na rằng: Ông ở tại nước kia giáo hóa dẫn dắt chúng Hạc, đạo quả của ông sắp thành tựu, ông nên tự biết như thế.

Bảy giờ ở nước Nguyệt Thị, Hạc lạc -na đang nói kinh cho quốc vương Bảo Ấn nghe. Bỗng thấy hương lạ kết thành chuỗi dài, vua này liền hỏi: Đó là điềm gì vậy?

Lạc-na đáp: Đó là Tổ sư Ma-noa-la người truyền tâm ấn Phật từ Tây Ấn sắp đến, nên trước hiện hương này để làm tin.

- Thầy ấy thần lực thế nào?

- Vị thầy này từ lâu được Phật thọ ký sẽ tuyên dương diệu pháp, hoằng hóa muôn dân trong nước này.

Khi ấy vua cùng Hạc-lạc-na đánh lễ ngài từ xa. Ngài biết họ đã đánh lễ, bèn từ giả Tỳ-kheo Đắc Độ, đi qua nước Nguyệt Thị, để vua và Hạc lạc -na cúng dường.

Sau đó Hạc lạc -na hỏi ngài rằng: Con ở trong rừng này đã chín năm, hiện có một đệ tử tên là Long Tử. Từ nhỏ ông ấy vốn rất thông minh, con đã quán khắp ba đời tìm hiểu nguyên do gốc tích người này nhưng không tìm ra.

Ngài nói: Trong kiếp thứ năm, người này sinh trong nhà Bà-la-môn của nước Diệu Hỷ, ông ấy từng đem gỗ Chiên-đàn cúng dường để làm dùi chuông. Nhờ phước báo đó nên ông ấy vô cùng thông minh, mọi người đều kính ngưỡng.

- Con có duyên gì mà làm bạn với chúng Hạc?

Trong kiếp thứ tư, ông từng làm Tỳ-kheo. Có một lần đi phò hội tại Long cung, chúng đệ tử của ông đều muốn đi theo, nhưng ông quán sát-năm trăm người đó không có người nào đủ phước đức để thọ nhận sự cúng dường mầu nhiệm đó, nên không cho họ đi. Bấy giờ bọn họ nói rằng “Thầy thường giảng: Đối với vật thực bình đẳng thế nào đối với pháp cũng bình đẳng thế ấy, mà nay thầy làm không đúng như vậy, có gì là sáng suốt đâu”. Nghe vậy ông bèn dẫn cả bọn họ cùng đi.

Từ đó ông bỏ cõi này thọ sinh cõi kia, trong khắp các nước, còn năm trăm đệ tử của ông do phước ít đức mỏng nên phải sinh trong loài có cánh. Do ân huệ ngày trước nên đời này họ cảm mến luôn ở bên ông.

Hạc lặc -na nghe xong hỏi ngài rằng: Có phương tiện gì khiến họ giải thoát kiếp hạc không?

Ta có pháp bảo vô lượng, ông nên lắng nghe nhận lãnh để giáo hóa hậu thế, rồi ngài nói kệ:

*Tâm theo muôn cảnh chuyển
Nơi chuyển thật thâm sâu
Theo dòng nhận được tánh
Không mừng cũng không lo.*

Khi ấy năm trăm con hạc nghe bài kệ ấy xong, vỗ cánh kêu vang rồi biến mất. Ngài ngồi kiết già an nhiên thị tịch. Hạc lặc -na cùng quốc vương bảo ấn dựng tháp cúng dường. Bấy giờ là năm Ất Ty, nhằm đời Hậu Hán Hoàn Đế năm thứ mười chín.

Đình Mùi: Đối niên hiệu là Vĩnh Khương. Phật giáo truyền vào Trung Quốc đã được một trăm năm.

6. Linh Đế: (Mậu Thân)

Tên là Hoàng, huyền tôn của Chương Đế, con của Độc Bình hầu Trần. Ông lên ngôi năm mười hai tuổi, đối niên hiệu là Kiến Ninh. Tháng tư năm Kỷ Ty, ông mất ở Nam cung, an táng ở Văn lăng, thọ ba mươi bốn tuổi, trị vì được hai mươi hai năm.

Nhâm Tý: Đối niên hiệu là Hy Bình.

7. Trúc Phật Sóc đến Lạc Dương: (Quý Sửu).

Năm này, Sa-môn nước Thiên Trúc là Trúc Phật Sóc đến Lạc Dương. Ngài dịch Đạo Hành Bát-nhã Kinh. Ngài ít chú trọng đến văn từ chỉ cốt giữ nội dung, thông suốt sâu xa được ý kinh. Đến niên hiệu Quang Hòa, ngài cùng Chi-sấm dịch Ban-chu Tam-muội kinh, cả thầy ba quyển. Cũng trong năm này, Ưu-bà-tắc Đô Úy An Lập người nước An Tức đến Lạc Dương. Ông cùng Thanh Tín Sĩ, Nghiêm Phật Điều dịch được bảy bộ kinh. Bấy giờ lại có Sa-môn Chi Diệu, Khương Cự, Khương Mãnh, Tường Đàm Quả, Trúc Đại Lực đều là những người rất giỏi ngôn ngữ Trung Quốc, họ dịch được cả thầy hơn ba trăm bộ kinh vào cuối đời Hán.

Bính Thìn: Vua xuống chiếu khắc Ngũ kinh, an trí bên ngoài cửa thái học.

Mậu Ngọ: Đổi niên hiệu là Quang Hòa.

8. Giặc khăn vàng làm phản:

* Giáp Tý bốn mươi tám: Đổi niên hiệu là Trung Bình. Trong năm này giặc Khăn vàng bắt đầu nổi loạn. Ban đầu Trương Giác ở Cư lộc giả thuật trị bệnh mưu đồ tạo phản. Giác tự xưng là Đại Hiền Lương Sư, lại tự xưng là Hoàng Thiên. Chỉ trong vòng mấy năm đã quy tụ được ba trăm sáu mươi ngàn người. Bọn họ đều chít khăn vàng. Năm Giáp Tý đồng loạt nổi lên giết người. Năm Quý Mùi niên hiệu Kiến An, họ đốt phá các quận huyện, vua tôi đều khiếp sợ. Vua bèn cử Tả Trung lang tướng Hoàng Phủ Tung chinh phạt, Trương Giác lâm bệnh rồi chết. Vua cho đào xác đem lên chém. Hai người em của Trương Giác bị bại trận và bị chém nốt, bêu đầu tại Kinh sư.

Mậu Thìn: Ky Trù tự xưng Thiên tử khởi binh làm loạn.

Kỷ Ty: Ở Ích châu, tướng giặc Khăn vàng là Mã Tượng tự xưng thiên tử. Giặc Khăn vàng nổi loạn phá ngục, mua quan, hoạn quan Bốc Thuyền Thị chuyên quyền, thiên hạ đại loạn.

Hồng Nông Vương: Tên là Biện, con của Linh Đế, lên ngôi và đổi niên hiệu là Quang Hy. Viên Thiệu bắt hết bọn hoạn quan, bắt kể già trẻ đều đem chém sạch. Vua đổi niên hiệu là Chiêu Ninh. Thái Nguyên Mục Đổng Trác vào triều, phết vua là Hồng Nông Vương, sau giết luôn, rồi lập Trần Lưu Vương làm Thiếu đế. Biện trị vì được một trăm bảy mươi ngày.

9. Hiến Đế: (Canh Ngọ)

Tên là Hiệp, con giữa của Linh Đế. Tháng chín niên hiệu Chiêu Ninh năm thứ chín, Đồng Trác phế hoàng tử Biện lập làm vua. Ông lên ngôi lúc chín tuổi, đổi niên hiệu là Sơ Bình. Ông trị vì được ba mươi năm. Bấy giờ Đồng Trác tự xưng là Thái sư, dọn đất dời đô về Trường An. Được ba năm thì Vương Doãn, Lã Bố lập mưu giết Trác, tru di cả họ.

10. Mâu Tử và Lý Hoặc Luận: (Quý Dậu)

Không rõ họ tên ông là gì, người đời gọi ông là Mâu Tử. Mâu Tử học tập kinh truyện của chư tử, sách chẳng kể lớn nhỏ không thứ nào mà không thích. Tuy ông không ưa binh pháp nhưng vẫn đọc. Dù đọc sách thần tiên bất tử nhưng ông lại không tin, cho đó là những thứ đối trá.

Hồi ấy, sau khi Linh Đế băng hà, thiên hạ nhiễu loạn, chỉ có Giao châu là tạm yên mà thôi. Người lạ từ phương Bắc đều đến đây để ở, phần nhiều họ luyện phép tịch cốc trường sinh của thần tiên. Mâu Tử thường lấy Ngũ Kinh vấn nạn họ, nhưng đạo gia, thuật sĩ chẳng ai dám đối đáp.

Trước đó, Mâu Tử đem mẹ đi lánh nạn. Năm hai mươi sáu tuổi ông trở về Thương Ngô để cưới vợ. Thái thú Thương Ngô nghe ông là người hiếu học, nên đến thăm hỏi và mời ông ra làm quan. Bấy giờ tuổi mới lớn lại ham học, hơn nữa thấy thời thế loạn lạc, nên ông không muốn làm quan và cuối cùng không đến.

Thời bấy giờ các châu, quận nghi ngờ nhau, đường đi cách trở không thông. Thái thú cho ông là người học rộng biết nhiều, nên sai ông đi Kinh châu dâng lễ. Mâu Tử nghĩ rằng, vinh tước dễ nhường nhưng sự mệnh khó từ, nên nhận lời.

Khi ấy lại gặp chuyện: Em của Châu Mục làm thái thú Dự Chương bị trung lang tướng Trúc Dung giết chết, Châu Mục bèn sai kỵ đô úy Lưu Ngạn đem binh báo thù. Nhưng sợ cõi ngoài nghi nhau, không tiến binh được bèn nói với Mâu Tử rằng: Em tôi bị nghịch tặc hãm hại, nỗi đau cốt nhục giằng xé tâm can, tôi từng sai Lưu đô úy đi, nhưng sợ cõi ngoài nghi nan, người không qua được. Tôi biết ông là người văn võ song toàn lại có tài ứng đối. Nay tôi muốn đánh dẹp họ, mượn đường Linh Lăng, Quế Dương làm thông lộ, ý ông thế nào? Mâu Tử liền đồng ý. Lúc sắp đi thì được tin mẹ mất, rốt cuộc cũng không đi được.

Bằng đi một thời gian, ông tự than: Lão tử dứt thánh bổ trí, tu thân giữ chân, vạn vật không ngăn được chí của ông, thiên hạ không

đổi được niềm vui của ông, Thiên tử không được bề tôi, chư hầu không được người bạn! Quả thật đáng quý!

Thế rồi ông dốc chí vào Phật đạo, nghiền ngẫm năm ngàn lời của Lão Tử, ngâm huyên diệu làm rượu ngon, giỡn Ngũ kinh làm đàn sáo. Bọn thế tục hầu hết cho ông là người không phải đạo, bảo ông là người bỏ Ngũ kinh mà theo đạo khác. Ông muốn tranh cãi với họ nhưng nghĩ không đúng đạo, muốn lặng im thì lại không thể được, nên dùng giấy bút lược dẫn vài lời của Thánh hiền để biện giải cho họ thấy và lấy tên là Mâu Tử Lý Hoặc.

Hỏi: Do đâu mà được gọi là Phật? Phật là thế nào?

Mâu Tử đáp: Phật nghĩa là Giác, cũng như nói Thần Tam hoàng, Thánh Ngũ đế. Phật là nguyên tổ của đạo đức, là bậc chí tôn của Thần minh. Sở dĩ Phật được tôn xưng là Giác, bởi vì ngài tự tại biến hóa, phân thân chia hình, khi còn khi mất, hoặc lớn hoặc nhỏ, khi tròn khi vuông, hoặc già hoặc trẻ, lúc ẩn lúc hiện. Dắm lên lửa mà không phỏng, đạp trên đao mà không đứt, ở trong dơ uế mà chẳng hề bị nhiễm. Ở trong họa hoạn mà chẳng bị tai ương, chẳng đi mà đến, chẳng làm mà tỏ rõ, nên gọi là Phật.

Hỏi: Thế nào gọi là Đạo? Đạo là cái gì?

Đáp: Đạo có nghĩa là dẫn dắt. Dẫn dắt con người đến chỗ vô vi. Dẫn họ đến chỗ vô tiền, dắt họ đến nơi vô hậu. Nâng lên thì không vật gì trên nữa, đè xuống thì không vật gì thấp hơn. Nhìn thì chẳng thấy hình, nghe thì chẳng có tiếng. Bốn biển bao la nhưng nó nằm ngoài, sợi tơ nhỏ nhiệm nhưng nó nằm trong. Thế nên gọi là Đạo.

Hỏi: Khổng Tử lấy Ngũ Kinh làm Đạo giáo, có thể ôm lấy mà tụng, lót chân mà đi. Nay ông lại nói đạo vốn hư vô, thoáng hiện, không thấy được ý, không chỉ ra hình, đâu không khác với Thánh nhân đó sau?

Đáp: Ông không nên xem trọng cái thực hành được, coi nhẹ những điều ít thấy, mê theo vật bên ngoài, đánh mất tình thức bên trong. Hành động mà không mất đạo đức, cũng giống như điều chỉnh dây đàn mà chẳng mất cung thương. Đạo trời vận theo bốn mùa, con người noi theo Ngũ thường. Lão Tử nói: Có một vật do nhiều thứ cấu thành, sinh trước trời đất, có thể cho nó là mẹ của Thiên hạ, ta chẳng biết đặt tên nó là gì, nên tạm gọi là Đạo. Đạo mà làm thành vật, thì ở nhà có thể thờ cha mẹ, làm quan thì cai trị muôn dân, ở một mình thì tu thân, đạp lên mà đi, thì đi khắp cả trời đất, bỏ mà chẳng dùng thì nó tiêu nhưng chẳng mất. Thế nên ông không hiểu được cũng đâu có gì lạ!

Hỏi: Điều thật nhất thì không hoa hòe, từ hay nhất thì không lờ loẹt, ngôn từ đơn giản nhưng sự thành tựu lại tốt đẹp, hành động ít nhưng thành đạt tỏ rõ. Thế nên châu ngọc tuy ít nhưng quý, gạch ngói dù nhiều nhưng thường. Thánh nhân soạn ra bảy kinh, không hơn ba vạn lời, nhưng mọi sự đều gồm đủ. Nay kinh Phật có đến vạn quyển, tính ra có đến mấy ức lời. Sức của một người không thể kham hết, kẻ hèn này nghĩ rằng quá nhiều như vậy thì vốn phiền toái mà lại chẳng trọng yếu!

Mâu Tử đáp: Sông biển sở dĩ khác với mương rạch là vì nó sâu rộng. Ngũ nhạc sở dĩ khác với gò đồi vì nó cao to. Nếu cao không vượt hơn núi đồi, thì con dê què mới lên tới đỉnh, sâu không vượt quá đáy khe, thì con nít mới lặn đến đáy. Kỳ lân không ở trong vườn chuồng, cá kinh không bơi lội trong khe chỉ sâu vài nhận. Mổ bụng con trai ba tấc để tìm hạt châu minh nguyệt, lục lợi trong tổ chim trên cây chỉ, cây táo để tìm trứng của phượng hoàng tất không tìm được. Vì sao vậy? Vì vật nhỏ không thể dung chứa được cái lớn. Còn như kinh Phật ghi chép những việc cả ức năm về trước, lại nói đến những điều quan trọng cho muôn đời. Khi Thái Tổ chưa khởi, Thái tử chưa sinh, càn khôn bắt đầu hình thành, trong cái khoảng ấy mây trần không thể nắm, sợi tơ không thể lọt, thì Phật đã trùm khắp bên ngoài cái rộng lớn ấy, chia chẻ bên trong cái nhiệm mầu ấy rồi. Những điều ấy đều ghi lại hết thảy. Thế nên kinh Phật có đến vạn quyển, gồm mấy ức lời, muôn sự đều đủ đầy, vạn duyên đều sung túc. Thế sao ông bảo rằng không quan trọng! Dù rằng chẳng phải một người kham hết, ví như người đến bờ sông uống nước, no bụng thì tự biết đủ rồi, chứ làm sao biết được nước còn lại là bao nhiêu!

Hỏi: Kinh Phật quá nhiều nay tôi chỉ muốn được lý chính yếu, bỏ cái dư thừa, ông cứ nói thẳng, chẳng cần quanh co.

Đáp: Không được! Theo lẽ thường, mặt trời, mặt trăng đều sáng nhưng mỗi vật chiếu soi không giống. Hai mươi tám ngôi sao, mỗi sao đều có chủ, trăm thứ cỏ thuốc cùng sinh nhưng mỗi thứ trị mỗi bệnh. Áo hồ cừu thì dùng vào mùa lạnh, áo vải sợi mặc vào mùa nóng, xe thuyền tuy khác đường nhưng đều để dùng đi lại. Khổng Tử không cho Ngũ Kinh là hoàn bị, nên lại soạn thêm Xuân Thu, Hiếu Kinh, đó là muốn mở rộng đạo thuật, thu phục lòng người. Kinh Phật tuy nhiều nhưng cứu cánh chỉ là một. Thí như bảy loại điển tịch dù khác nhau, nhưng cái quan trọng là đạo đức nhân nghĩa cũng chỉ là một. Sở dĩ nói đến nhiều là tùy thuận lòng người thực hành đạo hiếu. Như Tử Trương, Tử

Du cùng hỏi đạo hiếu, nhưng Trọng Ni trả lời mỗi người một khác. Đó là đánh vào điểm yếu của họ, chứ làm gì có bỏ đâu!

Hỏi: Phật đạo chí tôn chí đại, thế tại sao Nghiêu Thuấn, Chu, Khổng không tu theo? Trong bảy loại điển tịch không thấy nói đến. Ông vốn đam mê thi thư, ưa thích lễ nhạc, sao nay lại thích Phật đạo, vui với dị thuật, như thế đâu chẳng phải là vượt quá cái hay cái đẹp của Thánh nhân đó sao? Trộm nghĩ ông không nên như vậy!

Đáp: Kinh thư đâu hẳn là lời của Khổng Tử. Thuốc đâu hẳn là thuật của Biển Thước. Thứ gì hợp nghĩa thì noi theo, thuốc làm giảm bệnh mới là thứ tốt. Người quân tử phải học hết những cái hay để trưởng dưỡng thân mình. Tử Cống nói: Phu Tử hà tất phải có vị thầy cố định sao? Nghiêu thờ Doãn Thọ, Thuấn thờ Vụ Thành, Đán học Lã Vọng, Khâu học Lão Đam, những việc ấy cũng đâu thấy ghi trong bảy kinh! Bốn vị ấy tuy là Thánh, nhưng nếu đem sánh với Phật thì cũng giống như nai trắng sánh với kỳ lân, chim yến sánh với phượng hoàng. Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng mà còn phải học, huống gì thân Phật tướng tốt, thần lực biến hóa khôn lường, lẽ đâu bỏ mà không học theo ư? Ngũ kinh ghi chép vẫn còn thiếu sót, kinh Phật không ghi thì có gì lạ mà phải nghi?

Hỏi: Ông nói Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, đâu không quá kỳ dị với con người đó sao! Tôi nghĩ đó là nói quá lời, chứ sự thật thì không có!

Đáp: Ngạn ngữ có câu: Thấy thì ít mà lấy làm lạ thì nhiều, thấy lạ đà lại bảo là ngựa gù lưng. Long mày vua Nghiêu có tám màu, mắt vua Thuấn có hai đồng tử, Cao Đào ăn thì mỡ như chim, Văn Vương có bốn vú, tai vua Vũ có ba lỗ, Chu Công lưng gù, Phục Hy có mũi rồng, Trọng Ni có tướng Phấn Vũ (đỉnh lõm), Lão Tử mắt đen, mũi có hai cây trụ, tay nắm mười đồng tiền, chân kẹp mười đồng tiền. Đó chẳng phải là kỳ dị với con người đó sao! Vậy thì tướng tốt của Phật có gì phải nghi!

Hỏi: Trong Hiếu Kinh nói: Thân thể, tóc tai do cha mẹ cho, phận làm con đâu dám hủy hoại. Tăng Tử trước khi mất mới dang tay dang chân. Nay Sa-môn cạo đầu, đâu chẳng phải trái với lời dạy của Thánh nhân đó ư? Đó chẳng phải là người con hiếu thảo. Ông thường thích luận phải trái, bình thẳng cong, đâu không trái với lẽ thiện đó sao?

Đáp: Phạm chê Thánh hiền là bất nhân, bình không trúng là bất trí, bất nhân bất trí thì lấy gì để tu đức? Đức mà không gieo trồng được thì chỉ là bọn người để mua vui. Như vậy đâu phải dễ dàng bàn luận! Xưa nước Tề có người bơi thuyền qua sông, cha ông ấy bị rơi xuống nước. Người con nắm tay cha mình kéo lên, rồi giộng ngược đầu ông

xuống cho nước trào ra. Nhờ đó mà cha ông tỉnh lại. Phàm giông ngược đầu cha mình xuống đất, thì còn tội bất hiếu nào lớn hơn nữa! Nhưng làm như vậy là cứu sống cha mình. Còn nếu như cứ đứng khoanh tay, tu theo cái đạo hiếu bất di bất dịch ấy, thì cha mình tất chết đuối.

Khổng Tử nói: Có thể thích hợp với đạo, nhưng chưa hẳn thích hợp với quyền hạn. Đó gọi là thực hành đúng lúc. Vả lại Hiếu kinh cũng nói: Tiên vương là người có đức cao, đạo sâu, mà Thái Bá lại cắt tóc, rạch thân, tự mình làm theo khổ kế của Ngô Việt, trái với tinh thần coi trọng thân thể, tóc tai. Thế nhưng Khổng Tử lại khen ông ấy, lại bảo rằng ông ta là người có đức cao. Trọng Ni không vì việc ông ta cắt tóc mà chê ông ấy. Từ đó mà xét, nếu người có đức cao thì họ không câu nệ vào tiểu tiết. Sa-môn bỏ gia tài, vợ con, chẳng nghe thanh nhìn sắc, có thể nói họ là người vất bỏ nhiều nhất. Như vậy đâu có trái lời Thánh nhân, đâu nghịch với đạo hiếu đâu! Dự Nhượng nuốt than, Sơn Thân; Nhiếp Chính rạch mặt hủy mình, Bá Cơ dẫm lửa, Cao Hành hủy phá mặt mày, người quân tử mạnh dạn chết vì nghĩa, chẳng nghe ai chê họ hủy thân, chết uống. Sa-môn cạo bỏ râu tóc, nhưng so với bốn người ấy có đáng là bao!

Hỏi: Phàm người có phước thì không gì hơn có con nối dõi, phàm bất hiếu thì không gì hơn không người kế tự, Sa-môn bỏ vợ con, vứt của cải, trọn đời không cưới vợ, đâu không phải là trái với phước hạnh, hiếu hạnh đó ư? Tự làm khổ mà chẳng có gì dị kỳ, tự nâng mình lên nhưng có gì khác thường đâu?

Đáp: Phàm bên trái dài thì bên phải tất ngắn, phía trước lớn thì phía sau tất nhỏ. Mạnh Công Xước làm lão thần của Triệu Ngụy thì hơn hẳn, nhưng đâu thể làm đại phu nước Đằng, nước Tiết. Vợ con, của cải là những thứ thừa thãi của đời, trong sạch khiêm cung là lẽ nhiệm mầu của đạo. Lão Tử nói: Danh phận và bản thân cái nào quý hơn? Bản thân và của cải thứ nào nhiều hơn? Lại nói: Ta xem Di phong của ba đời (Hạ, Thương, Chu), xét đạo thuật của Nho, Mặc, tụng thi thư, tu lễ tiết trọng nhân nghĩa, sống trong sạch, người trong làng noi theo, tiếng thơm đồn khắp. Đó là những việc làm của kẻ sĩ bậc trung, những người điềm đạm chẳng cần đoái hoài đến. Thế nên trước kia thì có Ngọc Tuyền, sau này thì có Hồ Hổ (Cọp gầm), thấy nó đi ngang nhưng chẳng ai dám bắt. Vì sao? Bởi vì trước mất mạng rồi sau mới được lợi. Hứa Do ở trong tổ chim trên cây, Bá Di, Thúc Tề chết đói trên núi Thử Dương, nhưng Khổng Tử khen các ông ấy là kẻ hiền sĩ. Cầu nhân được nhân chính là vậy, mà chẳng nghe ai chê mấy ông ấy là người không có con nối dõi,

chẳng có của tiêu xài, Sa-môn tu đạo giữ đức để đổi cái vui của kẻ du sĩ, quay về với bản tánh thuần lương để thay cái thú vợ con. Nếu họ chẳng phải dị kỳ thì còn ai dị kỳ nữa, họ chẳng phải khác thường thì còn ai khác thường nữa!

Hỏi: Hoàng đế chế ra y áo, đặt ra trang phục, Ky Tử lập ra chuẩn mực áo mũ phải lấy năm việc làm đầu, Khổng Tử soạn Hiếu Kinh, trang phục phải lấy ba đức làm trọng. Lại nói: Áo mũ chính tề là trọng cái thấy của con mắt. Nguyên Hiến tuy nghèo nhưng chẳng lia cái mũ hoa. Tử Lộ gặp nạn nhưng chẳng quên áo xấu. Nay Sa-môn cạo bỏ râu tóc, quần đắp vải đỏ. Thấy người khác chẳng thực hành cái lễ nghi đứng, quỳ, không có cái nghi dung khéo léo, đâu chẳng phải là trái với pháp chế ăn mặc, nghịch với trang sức trang phục đó sao?

Đáp: Lão Tử nói: Đức mà cao là không có đức, do đó mới có đức; đức mà thấp là không mất đức, do đó mà không có đức. Thời Tam hoàng con người ăn thịt thú, mặc da lông, ở trong tổ, trú trong hang, chuộng cái chất phác, lẽ đâu lại phải đội mũ Chương phủ, mặc áo Khúc cừ chẳng? Thế nhưng ai nấy đều khen họ là mười hai người có đức mà lại đôn hậu, chánh tín mà lại vô vi. Hạnh của Sa-môn tương tự với mấy người ấy.

Hỏi: Theo như ông nói, thì phép tắc của hoàng đế Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng chẳng lẽ bỏ đi không đáng noi theo sao?

Đáp: Hễ thấy rộng thì không mê mờ, nghe nhiều thì không lầm lẫn. Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng sửa trị việc đời, Phật và Lão Tử lập chí vô vi. Trọng Ni bôn ba hơn bảy mươi nước, Hứa Do nghe được những ngôi phải xuống sông rửa tai, đạo của người quân tử có khi tiến khi thoái, có lúc nín, có lúc nói, chẳng thiên theo tánh, chẳng lụy theo tình. Thế nên cái quý của đạo là ở chỗ vận dụng, chứ làm gì có bỏ không theo!

Hỏi: Đạo Phật nói: Con người chết rồi đầu thai trở lại, tôi không tin việc ấy có thật!

Đáp: Con người lúc sắp chết, gia quyến của họ ngẩng cổ lên nóc nhà gọi họ. Họ chết rồi thì gọi ai vậy?

- Đó là gọi hồn phách của họ.

- Thần thức trở lại thì họ sống, còn không trở lại thì thần thức ấy đi đâu?

- Thành quỷ thần.

Mâu Tử nói: Đúng thế! Quỷ thần cố nhiên là không diệt, chỉ có thân ta tự tan rã mà thôi. Thân giống như gốc, lá của ngũ cốc, thần thức giống như trái hạt của ngũ cốc. Gốc lá có sinh tất có tử. Trái hạt

lẽ đâu cũng có ngày tận diệt ư? Khi đắc đạo thì chỉ có thân bị tàn diệt mà thôi.

Lão Tử nói: Ta có nổi to lớn vì ta có thân. Nếu ta không có thân, thì chẳng có gì phải lo lắng. Lại nói: Công thành danh toại thì lui thân, đó là đạo trời.

Lại hỏi: Vì đạo cũng chết, không vì đạo cũng chết, có gì khác nhau đâu!

Mâu tử đáp: Đó gọi là: “Không có điều tốt của một ngày mà lại muốn hỏi đến cái hay cả đời” là thế. Người có đạo dù cũng chết nhưng thần thức về nhà phước, kẻ làm ác cũng chết nhưng thần thức phải chịu những tai ương. Kẻ ngu thì mê mờ với những việc đã thành, người trí thì biết trước những gì chưa nảy sinh. Có đạo và không có đạo như vàng sánh với cỏ, họa và phước chẳng khác nào trắng sánh với đen, sao lại không khác nhau? Ông nói sao nghe dễ dàng đến thế!

Hỏi: Khổng tử nói: Chưa thể thờ người làm sao thờ quỷ? Chưa biết sống, làm sao biết chết? Đó là điều mà Thánh nhân ghi lại. Nay nhà Phật chưa gì liền nói đến việc sống chết việc quỷ thần, đó e rằng không phải là những lời của Thánh triết. Phàm người hành đạo cần phải thanh nhàn đạm bạc, dốc chí vào những gì thực tiễn nhất, nay cố sao ông lại nói đến sống chết làm loạn chí người, nói chuyện quỷ thần là những chuyện thừa thãi?

Đáp: Như lời ông nói, đó gọi là chỉ thấy bên ngoài mà không biết bên trong. Khổng Tử bị bệnh, Tử Lộ không hỏi nguyên nhân đó là muốn khỏa lấp đó thôi. Hiếu kinh có nói: Lập ra Tông miếu, thờ cúng quỷ thần, cúng tế Xuân Thu, theo mùa mà tế. Lại nói yêu kính việc sống, xót thương việc chết. Đó chẳng phải là dạy con người thờ cúng quỷ thần, biết sống chết đó sao? Chu Công thỉnh mệnh cho Vũ vương rằng: Đán này đa tài đa nghệ, có thể thờ được quỷ thần. Như vậy thì con đường sống chết mà kinh Phật nói đến lẽ đâu chẳng phải là chuyện đó sao! Lão Tử nói: Đã biết được đũa con này tất giữ được người mẹ kia. Thân đến chết cũng không nguy. Lại nói: Dùng ánh sáng của đạo, trở về lại ánh sáng của mình, không để thân phải ương lụy. Nơi mà sống chết thú hưởng đến, chỗ mà cát hung an trụ, chính là đây. Điều quan trọng để đến với đạo là quý ở trạng thái vắng lặng. Nhà Phật lẽ đâu lại ưa nói nhiều sao! Ông đến gạn hỏi, lẽ đâu ta lại không đáp. Chuông trống đâu phải tự kêu được, mà có người đánh mới phát tiếng.

Hỏi: Khổng Tử nói: Di Định mà có vua, đâu bằng Chư Hạ mất vua. Mạnh Tử chê Trần Tương khi ông này lại đi học thuật của Hứa

Hành rằng: “Ta nghe dùng Hạ để thay đổi Di, chứ chưa từng nghe dùng Di để thay đổi Hạ”. Từ nhỏ ông đã học đạo của Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng mà này vất bỏ lại học thuật của Di Địch, lẽ đâu không phải là lầm lẫn đó chăng?

Đáp: Nói vậy thì tôi chưa hiểu những lời nằm ngoài đại đạo mà thôi. Nếu ông nói vậy, thì đó mới chỉ thấy được cái vẻ đẹp của lễ chế mà mê mờ với cái thật của đạo đức, chỉ thấy ánh sáng của đèn đuốc mà không thấy được mặt trời rực rỡ trên thiên đình. Khổng Tử từng nói: Uốn nắn thói đời cho thẳng. Mạnh Kha cũng nói: Mau chóng làm cho chuyên nhất.

Xưa, Khổng Tử muốn ở Cữu Di, bèn nói: Người quân tử ở trong Di Địch có gì là thấp hèn đâu! Đến khi Trọng Ni không được trọng dụng ở Lỗ, Vệ, Mạnh Kha không được trọng dụng ở Tề, Lương. Lẽ đâu lại làm quan trong Di Địch sao! Vua Vũ xuất thân từ giống Tây Khương nhưng là bậc Thánh triết. Cổ Tẩu sinh ra vua Thuấn nhưng chỉ là đồ để mua vui, Do Dư xuất thân từ nước Địch nhưng làm bá ở Tần; Quản Thúc, Thái Thúc xuất thân từ đất Hà đất Lạc nhưng lưu danh ở đời. Truyện

chép: Sao Bắc thần ở giữa trời, phía Bắc loài người. Theo đó mà xét, thì đất nhà Hán chưa hẳn là giữa trời. Những gì kinh Phật nói đến thì trên dưới đều cùng khắp, những loài có máu huyết thảy đều là Phật cả. Vì thế mà ta tôn kính, học hỏi, cần gì phải bỏ đạo của Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng! Vàng ngọc chẳng làm tổn thương nhau, ngọc tùy ngọc bích chẳng cản trở nhau. Ông cho người ta lầm lẫn, hay tự ông lầm lẫn thế!

Hỏi: Khổng Tử nói: Xa xỉ thì không khiếm tốn, tiết kiệm thì thành hẹp hòi, nếu so với không khiếm tốn thì thà rằng nên hẹp hòi một chút còn hơn. Ngự Tôn nói: Cần kiệm thì đức quy tụ, xa xỉ thì ác cực lớn. Nay nhà Phật lấy cái không tài sản, bố thí làm danh phận, ban phát của cải cho người làm điều quý trọng, lẽ đâu lại có phước ư?

Đáp: Kia một thời, đây một lúc. Trọng Ni ghét xa xỉ mà không có lễ. Ngự Tôn chê Trang Công là người bủn xỉn, chứ đâu cấm bố thí. Vua Thuấn cày ruộng ở Lịch sơn nhưng ân huệ không đến tới các châu, lý. Thái Công mổ trâu nhưng ân huệ không đến tới vợ con. Đến khi được trọng dụng thì ân tràn tám hướng, huệ rải bốn biển. Giàu có nhiều của, quý là ở chỗ hay ban cho. Nghèo cùng khốn khổ, quý là ở chỗ hành đạo. Hứa Do chẳng tham bốn biển, Bá Di chẳng tham đất nước, Ngu Liễn bỏ tước phong vạn hộ cứu cái gấp của kẻ nghèo cùng. Những người ấy họ đều có chí riêng của họ. Hy Phụ Ky nhờ cái ân ban bố mâm cơm mà được ngôi làng để trợ, Tuyên Mãnh nhờ cái huệ bố thí một bữa cơm mà

giữ được tấm thân vô giá. Ban bố cho cõi âm dù không có ý mong cầu, nhưng phước báo ở cõi dương rõ ràng như trời sáng. Huống gì ban của cải, phát ý tốt thì công đức ấy với vợ như núi Tung, núi Thái, mênh mang như biển cả sông sâu. Người ôm mang trong lòng điều tốt, thì quả tốt báo ứng, kẻ cứ mang điều xấu thì tai ương đáp đền. Tôi chưa từng thấy ai gieo lúa nước mà được lúa cạn, ban họa mà được phước.

Hỏi: Con người ở đời không ai mà chẳng thích giàu sang, ghét nghèo hèn, ưa nhàn rỗi, ghét lao nhọc. Hoàng Đế dưỡng tính bằng Ngũ hào, Khổng Tử ăn thì chẳng chê nem chê chả. Nay Sa-môn mặc áo đỏ, mỗi ngày ăn một bữa, đóng kín lục tình, tự cho mình đã xong việc đời, nếu vậy thì có gì để nương tựa đâu?

Đáp: Giàu và sang là điều người ta ham muốn, thế nhưng vốn không đáng có được mà có được thì không nhận. Nghèo và hèn là điều mà người ta rất ghét, thế nhưng vốn không đáng được mà được nó thì không bỏ. Lão Tử nói: Năm sắc thường làm người ta mờ mắt, năm âm làm con người ta điếc tai, năm vị làm con người tê lưỡi; cõi ngựa, ngồi xe, cuốc cày, săn bắn làm lòng người phát cuồng, của cải khó được làm hành động người ta trở ngại. Thánh nhân chú trọng trong tâm chứ không quý ở con mắt. Những lời ấy lẽ đâu hư dối ư! Liễu Hạ Tuệ không vì địa vị Tam công mà thay đổi cung cách của mình, Đoàn Thiên Mộc không vì bản thân mình mà thay đổi cái giàu có của Ngụy Văn. Hứa Do Sào Phủ làm tổ trên cây mà ở, tự cho mình an ổn hơn ngồi trên ngai vàng, Bá Di Thúc Tề chết đói trên núi Thủ Dương nhưng tự cho mình no đủ hơn Văn, Vũ. Đó là vì mỗi người đắc chí với chính mình, lẽ đâu lại không có gì để nương tựa ư!

Hỏi: Nếu kinh Phật thâm sâu, mầu nhiệm, sao ông không đem bàn trong triều đình, luận với quân vương, tu trong khuê môn, trao cho bè bạn mà lại học kinh truyện, đọc chửi tử?

Đáp: Ông chưa biết được nguồn nước mà đã hỏi đến dòng nước. Phàm mâm đậu thì lại đặt trên cửa thành, cờ xí lại cắm ở sân triều, mặc áo Hồ cừu để đương đầu với Nhụy Tân, mặc áo vải thô để ngăn đón Hoàng Chung, thấy đều đẹp cả! Nhưng không đúng chỗ chẳng hợp thời. Thế nên đem cái thuật của Khổng Tử vào nơi cửa Thương Ưởng, ban cái thuyết của Mạnh Kha vào đến sân Tô, Trương. Công lao đâu chỉ tính bằng phân, tấc mà phải kể đến trượng, thước. Lão Tử nói: Bạc Thượng sĩ nghe đạo thì siêng năng thực hành, bạc trung sĩ nghe đạo thì thoạt nhớ thoạt quên, kẻ hạ sĩ nghe đạo thì cười ngất rồi bỏ đi. Ta rất sợ những kẻ cười ngất ấy, thế nên không luận bàn. Khi khát nước, đâu phải đến sông

biển mới uống no. Nước trong suối giếng chẳng lẽ không đã khát sao! Thế nên ta lại học kinh học truyện là thế.

Hỏi: Lão Tử nói: Người biết thì không nói, hễ nói là không biết. Lại nói: Người giỏi biện luận phải làm như mình là kẻ ấp úng, người quá khôn, khéo phải làm như mình là người vụng về. Người quân tử hổ thẹn khi lời nói vượt quá hành động. Nếu Sa-môn thấu đạt đến đạo rồi, sao không ngồi yên mà thực hành, lại bàn thị phi, luận phải quấy? Tôi cho rằng đức hạnh ấy thật quá kém!

Đáp: Sang Xuân bị đói rét là do Thu này không chịu ăn, Hoàng Chung hợp với lạnh, Nhụy Tân hợp với nóng, chuẩn bị sẵn dù sớm nhưng khỏi bị coi là kẻ ngu. Lão Tử nói: Đối với người đắc đạo thì chẳng cần nói năng, người chưa đắc đạo không nói thì sao biết được! Đạo lớn một lời mà thiên hạ thấy đều vui. Đó chẳng phải là hùng biện đấy ư? Ông cho rằng Lão Tử không hùng biện sao? “Công thành danh toại thì lui thân, đó là đạo trời”. Thân đã lui rồi thì làm sao nói? Nay Sa-môn chưa đắc đạo, sao chẳng được nói? Lão Tử cũng giảng đạo kia mà! Nếu như ông ấy không nói năng thì năm ngàn lời làm sao thuật lại? Nếu biết mà không nói thì còn tạm chấp nhận, chứ đã không biết mà lại không hay nói thì đó thật là người ngu. Thế nên, hay nói mà không hay làm là thầy của một nước. Hay làm mà không hay nói là vật dụng của đất nước. Hay làm hay nói là vật báu của nước nhà. Ba thứ ấy đều công dụng biện bày của nó, chẳng lẽ lại là đức kém sao! Chỉ có những người không thể nói được, không thể làm được mới là hạng kém cõi tầm thường.

Hỏi: Như lời ông nói thì phải học hành, biện bác, thấu đạt, trau chuốt, nói năng, bàn luận suông, lẽ đâu lại sửa được tánh tình, thực hành đạo đức được chẳng?

Đáp: Có gì mà phải khó hiểu đến thế! Phàm nói năng, biện bác đều phải có lúc. Cừ Việ nói: Nước có đạo thì ngay thẳng, nước không có đạo thì cong vẹo mà phải thường lo lắng. Ninh Vũ Tử cũng nói: Nước có đạo thì trí, nước không có đạo thì ngu. Khổng Tử nói: Người đáng cùng ta bàn luận mà ta không bàn luận cùng họ, là ta đánh mất người; người không đáng cùng ta bàn luận mà ta lại bàn luận với họ, là ta phí lời. Thế nên trí hay ngu tự biết hợp thời, nói năng bàn luận đều phải có mục đích. Thế vì cơ gì chỉ nói năng bàn luận mà chẳng thực hành!

Hỏi: Ông nói: Đạo Phật chí tôn, rất thích vô vi, rất ưa đạm bạc, nhưng học sĩ thế gian thường khinh chê, họ bảo rằng, những lời lẽ ông nói rỗng tuếch khó dùng, trống không khó tin là tại sao vậy?

Đáp: Vị ngon tất không hợp khẩu nhiều người, tiếng lớn tất không

hợp tai nhiều người. Cổ nhân làm ra Hàm Trì, lập ra Đại Đồng, chế ra tiêu, thiêu, ngâm vịnh Cửu thành, chẳng có ai hòa theo được. Sử dụng cây đàn của Trịnh, Vệ, ca ngâm âm điệu của thế tục đương thời, thì lẽ tất nhiên chẳng mong nhưng có người bè theo phụ họa. Thế nên Tống Ngọc nói: Khách ca khúc Hạ Lý ở đất Trình có đến ngàn người hòa theo. Dẫn Cung đánh gốc, mọi người chẳng ai ứng đáp. Những người đó chỉ vui với âm tà mà chẳng hiểu gì âm hưởng tao nhã. Hàn Phi cậy cái thấy như ống nhòm của mình mà chê Nghiêu Thuấn, Tiếp Dư ỷ cái biết như sợi lông mà đả kích Trọng Ni. Đó là những kẻ chỉ mê cái nhỏ mà không hiểu được cái lớn. Phàm nghe Thanh, Thương mà bảo đó là Giốc, thì đó chẳng phải là lỗi của dây đàn mà chính là người nghe không phân biệt được. Thấy ngọc hòa, ngọc bích mà cho là sỏi đá, thì ấy chẳng phải ngọc bích tầm thường mà chính là người thấy không sáng suốt. Con rắn thần bị chặt đầu nhưng lại mọc đầu khác, đầu thể bảo người ta không có quyền chặt! Con rùa Linh phát mộng ở Tống Nguyên nhưng đầu tránh khỏi tay lưới của Dự Thư. Đạo lớn vô vi kẻ thế tục đâu thể biết được. Đạo lớn ấy chẳng vì tiếng khen mà sang, chẳng do tiếng chê mà hèn. Dùng hay không là do đạo trời, hành hay không thì phải đúng lúc, tín hay không là ở nơi con người.

Hỏi: Ông lấy kinh truyện để giảng nói lý nhà Phật, ngôn từ phong phú mà nghĩa lý lại rõ ràng, văn chương hùng hồn mà nói thật khôn khéo, nêu bày được diệu lý chân thành, đó quả là tài hùng biện của ông vậy!

Đáp: Ta đâu có hùng biện! Đó chỉ là hiểu biết rộng thì không lầm lẫn đấy mà!

Hỏi: Có cách gì để thấy biết rộng không?

Đáp: Đều từ kinh Phật cả. Lúc ta chưa hiểu Phật pháp, lầm lẫn còn hơn ông. Dù tụng Ngũ Kinh nhưng lại cho rằng đó chỉ là hoa chưa kết thành trái. Ta đã xem qua kinh Phật, nghiền ngẫm cái hay của Lão Tử, giữa bản tánh điềm đạm, quán cái hạnh vô vi, quay lại nhìn thấy việc đời cũng giống như đến giếng trời mà dòm xuống khe hang, lên núi Tung, núi Thái mà nhìn gò đồi vậy.

Ngũ Kinh thì có ngũ vị, Phật đạo thì có ngũ cốc. Từ khi ta nghe đạo đến nay chẳng khác vén mây mù để thấy mặt trời sáng rõ, giống như cầm đuốc lớn đi vào nhà tối vậy.

Hỏi: Ông dùng ngôn từ trong kinh truyện, vận dụng cái hay cái đẹp để ngợi khen công hạnh của Phật tuyên bày cái đức của Phật. Cao thì vút tận mây xanh, rộng thì tràn lan đại địa. Như thế có quá xa cội

nguồn có vượt quá sự thật chăng? Mà kẻ hèn như tôi chê bai có ảnh hưởng gì không?

Đáp: Ôi! Những gì mà ta ngợi khen Phật, chẳng khác nào lấy một hạt bụi bám trên núi Tung, núi Thái, lượm một móc sương ném xuống sông biển. Những gì ông hủy báng cũng như cầm trái bầu mà muốn múc cạn đại dương, cầm cây bừa mà muốn san bằng Côn lôn vậy. Đưa một tay để che mặt trời, nắm cục đất mà muốn lấp cửa sông vậy! Ta khen nhưng chẳng thể làm cho Phật cao hơn, mà ông chê cũng không làm Phật thấp hơn được!

Luận rằng: Lý Hoặc Luận của Mâu Tử gồm ba mươi bảy Thiên. Luật sư Tăng Hựu đời Lương chép vào Hoằng Minh Tập. Có thể nói bộ luận này ra đời đến nay lâu xa vô cùng. Xem ông ấy tôn sùng đạo đức, biện hoặc, chánh tà, chế phục kẻ ngã mạn, phát huy nguồn sáng đại giáo, quả thật là người quân tử nhìn xa trông rộng. Vào thời ấy, dòng nước Phật pháp của ta mới nhỏ giọt, những Sa-môn từ Tây Vực chấn tích đến Trung Quốc không quá mười người kể từ Ma-đăng, Pháp Lan trở xuống. Cả thầy hơn ba trăm quyển kinh mới lần lượt xuất hiện, nhưng đều là giáo lý Tiểu thừa. Còn như các bộ kinh Đại thừa vi diệu đều chưa có mặt. Mâu Tử chính là người thấu được huyền lý, khế tâm tông Phật, đặc pháp vị sâu xa như thế. Nếu so ông với các vị ở cuối nhà Hán như: Nhĩ Hành, Trần Nguyên Long, Khổng Bắc Hải, thì những người này chỉ dựa suông vào thiên tài kỳ dị của mình chứ trọn đời chưa nghe được đạo. Bất quá họ là kẻ sĩ thế tục rồi chết mà thôi. Thế nhưng Mâu Tử cho họ là những người tài giỏi. Chỉ tiếc rằng bộ sách này của ông không thể ghi lại đầy đủ được, tôi chỉ trích lấy hai mươi thiên thêm vào đây để thành đề tài để cùng tham luận, đại để là những mối nghi ngờ của thế gian. Dù Thế Tôn còn trụ thế, vẫn không thể thiếu những câu giải đáp mối nghi ngờ như thế này, huống gì ngày nay cách xa thời Phật đã hơn hai ngàn năm rồi, mà muốn cho thiên hạ bao la này đều phát khởi chánh tín, có phải là việc dễ thành tựu không? Thế nên, không thể không lưu truyền bộ luận này cho hậu thế.

11. Sử quan Phạm Hoa luận về họ Thích:

Sử Quan Phạm Hoa luận trong Hán thư Tây Vực truyện rằng: Phong tục, đất đai của Tây Vực sử sách trước đây chưa từng nói đến. Trương Khiên ôm cái hoài bão muốn vượt xa, Ban Siêu nuôi cái chí Phong hầu, cuối cùng họ cũng lập được công, thu phục ngoại bang ở phía Tây xa xôi kia. Từ khi dùng binh hùng để thu phục, dùng của cải

để mua chuộc, các ngoại bang ấy không nước nào là không hiến dâng cho triều đình những phẩm ngon vật lạ. Họ dãi nắng dầm mưa đi về phía Đông để triều kiến thiên tử. Thế nên triều đình lúc bấy giờ đặt ra chức quan Mậu dĩ để đảm trách việc đó. Lại dựng đô thành để giữ, thống soái nắm giữ quyền hành.

Về sau Cam Anh bèn trèo đèo lội suối, vượt qua nước An Tức đến tận vùng biển để dò xét Đại Tần. Cách ngũ môn Dương quan hơn bốn mươi ngàn dặm, đất đai phong tục ở đây ông đều biết cả. Chẳng hạn như tập tục trong khu vực ấy nhiều ít tốt xấu thế nào, phẩm vật mà khu ấy sản xuất, có gì đặc biệt, núi sông suối đồi bắt nguồn từ đâu, khí hậu nóng lạnh khắc nghiệt hay không; đường núi, đường khe, đường bộ, đường thủy qua lại thế nào, các thứ bệnh tật như nóng lạnh, đau đầu, trúng gió, các chứng về tà ma... đều ghi chép hết tất cả để nghiên cứu dò tìm ra gốc gác. Còn như việc hoàng truyền phi thường của đạo Phật khởi nguyên từ nước Thân Độc đến đời Lương Hán mới ghi (Đông Hán, Tây Hán) nhưng chẳng mấy chính xác. Trương Khiên ghi chép về đất đai rộng lớn bao nhiêu, thời tiết nóng lạnh, cỡi voi giao chiến... Ban Siêu tuy cũng là một trong những người phụng trì Phật đạo không sát phạt, nhưng công lớn dùng văn hay pháp thiện dẫn dắt con người của nhà Phật đều không thấy ghi chép. Tôi nghe nói nước ấy đất đai rộng lớn đến Trung thổ, đước ngọc, khí linh, Thánh nhân đều xuất thế quy tụ, là nơi hiền triết ra đời. Dấu tích dị thường tất đạo lý hơn người, cảm nghiệm rõ ràng tất mọi việc vượt xa trần thế, nhưng Khiên, Siêu đều chưa từng nghe đến. Đó chẳng phải là đạo mâu vần xoay, hé mở cửa huyền, đâm chồi nảy lộc đó sao! Nếu không phải như vậy thì tại sao lại dị thường đến thế!

Vào thời Hán, đến Sở Vương Anh mới bắt đầu thịnh hành việc trai giới. Hoàn Đế lại dùng Bảo Cái trang nghiêm tượng Phật, đem những nghĩa lý nhiệm mầu chưa dịch làm sáng tỏ ra hết, hiểu thấu những di huấn của Phật, buông bỏ ưu phiền khiến lòng vắng lặng, Không Tông Hữu Tông đều gồm đủ cả.

Vả lại đạo Phật chuộng nhân nghĩa ghét giết hại, cứu giúp mọi người tôn sùng cái thiện, cho nên những bậc quân tử tài ba phần nhiều rất thích. Thế nhưng những việc dị thường của Phật đạo nếu chưa trải qua thì không khỏi nghi hoặc. Dù có tài biện bác như Trâu Diễn, Đàm Thiên, có tài luận bàn như Trang Chu, Oa Giác vẫn không đủ nêu được một phần trong muôn một. Lại nữa thần thức sinh diệt, nhân quả theo nhau, phần nhiều họ chỉ nửa hiểu nửa không nên ai nấy đều nghi hoặc.

Do có bản chất dẫn thế tục không ngừng, dẫu muôn vật không dứt, nhân điều mọi người cùng theo, bỏ điều người ta nghi hoặc, nên đạo lớn liền thông. Phạm Hoa tự là Úy Tông, sinh vào cuối đời Tấn, làm quan đời Tống. Phàm những sử sách bàn luận về họ Thích đều bắt đầu từ ông.

12. Viên Hoằng luận về Phật:

Viên Hoằng luận trong Hán kỷ rằng: (Vĩnh Bình năm thứ mười một): Phù Đồ tức là Phật. Nước Thiên Trúc bên Tây Vực có Phật đạo. Phật, Hán dịch là Giác, đem cái thấy biết của mình giác ngộ quần sinh. Giáo pháp của Phật lấy việc tu thiện, tâm từ là chính, không sát sinh chuyên giữ lòng thanh tịnh. Những vị tu chân chính ấy được gọi là Sa-môn. Sa-môn, Hán dịch là Tức Tâm, tức là dứt bỏ cái tâm ham muốn, quy tâm về vô vi. Phật lại cho rằng thần thức của người chết không mất, tùy theo nghiệp lực mà thọ lại thân khác. Lúc sống ta làm những việc thiện ác thấy đều có báo ứng. Thế nên đạo Phật rất chú trọng đến việc làm lành, tu đức, để tôi luyện cho tinh thần, khi đạt đến vô vi thì thành Phật.

Thân Phật cao một thước sáu tấc, toàn thân có màu vàng ròng, trên cổ thường phát ra ánh sáng như mặt trời, mặt trăng. Phật biến hóa khôn lường không nơi nào mà không đến được, thế nên ngài hóa được muôn vật cứu khắp quần sinh.

Đầu tiên, Minh Đế nằm mộng thấy người bằng vàng cao to, trên cổ phát ra ánh sáng như mặt trời, mặt trăng. Vua đem điềm mộng hỏi quần thần. Có người bảo: Tây phương có vị thần tên là Phật, hình thể của vị ấy cao to. Nhân đó vua sai sứ đến Thiên Trúc học hỏi đạo thuật của người này, rồi vẽ hình tượng vị ấy mang về nước, đồng thời đem về hơn mấy ngàn vạn quyển kinh. Đạo Phật lấy hư vô làm Tông, vật lớn vật nhỏ trong vũ trụ bao la thấy đều thống nhiếp tất cả. Diễn nói thì rộng lớn bao la, nhưng điều cần cầu là ở bên trong cái nhất thể, điều cần tỏ là nhìn xem sự vật bên ngoài. Người thế tục có khi cho là hư dối, nhưng xét đến chỗ huyền vi thì đạo Phật thâm đạt sâu xa vô cùng khó lường biết được. Thế nên vương công, đại thần thấy những việc sinh tử báo ứng thấy đều khiếp sợ, rồi tự sửa mình.

Cư sĩ Tô Đông Pha của bản triều ta có nói: “Đó chính là lời nói chứng tỏ Trung Quốc bắt đầu biết có Phật.”

Dù lời tôi nói rất thiển cận, nhưng cũng lược nêu đầy đủ. Người trong đồng hoang bắt được con nai, liền đem mổ thịt nướng ăn. Từ đó về sau mọi người dù ăn không biết bao nhiêu trăm thứ vị ngon vào bụng,

nhưng mùi ngon ngọt của thịt nai vẫn không mất vị, chẳng khác nào như lúc đang ăn vậy.

Trong Hán Ký, Viên Hoằng luận về Phật, người ta ít thấy được toàn bài. Trong Đông Pha Đại Toàn Tập có ghi: Thuyết Viên Hoằng luận về Phật chính là thái tử Đường Chương Hoàn chú trong Hán Thư Sở Vương Anh Truyện. Nay sở dĩ dẫn trong Hán Ký, vì lấy cả thiên này là phần chính trong đó.

Giáp Tuất: Đổi niên hiệu là Hưng Bình.

Ất Hợi: Một thạch lúa bằng hai mươi lăm vạn tiền. Lúa mạch và đậu, một thạch là hai mươi vạn tiền.

Bính Tý: Đổi niên hiệu là Kiến An, vua về đất Lạc ở phía Đông.

Đinh Sửu: Tào Công dời đô về Hứa xương, Tháo làm quan tư không, Lưu Bị làm châu mục Dự châu. Trong năm này Hòa thượng Thiên Tuế Bảo Chưởng từ Tây Vực đến Trung Quốc.

13. Khương Mãnh, Trúc Đại Lực đến Kinh đô:

Mậu Dần: Sa-môn Khương Mãnh, Trúc Đại Lực dịch Tứ Đế và những bộ kinh khác như Hưng Khởi Bản Hạnh... cả thảy sáu bộ, gồm mười một quyển, dịch tại Lạc Dương.

Tân Ty: Tào Tháo cùng tướng của Viên Thiệu là Nhan Lương đánh nhau ở Quan độ, bị Quan Vân Trường đánh ngã ngựa, Tháo xua quân đâm chết Nhan Lương.

Ất Sửu: Chu Du nước Ngô phá Tào trong trận Xích Bích.

14. Tổ 23: Hạc lặc -na:

(Lạc-na là tiếng Phạm, Hạc là tiếng Trung Quốc. Do Tôn giả xuất thế thường được bày Hạc mển mộ nên gọi ngài là Hạc lặc -na).

Ngài thuộc dòng dõi Bà-la-môn, sinh trưởng tại nước Nguyệt Thị. Cha là Thiên Thắng, mẹ là Kim Quang. Nhà ông Thiên Thắng giàu có nhưng không có con. Một hôm ông bà đến trước Kim tràng thờ bầy Phật để cầu con. Đêm ấy bà mộng thấy có một thần đồng tay cầm vòng vàng đứng trên núi Tu-di đi đến và nói: “Ta đến đây!”. Khi thức dậy bà biết mình có thai.

Năm bảy tuổi, ngài dạo chơi trong xóm, thấy một đền thờ, thờ dâm thần, bèn vào miếu nạt rằng: Ông khéo đặt bày họa phước lừa gạt người ta, hằng năm tốn hao súc vật, tổn hại của cải không biết bao nhiêu mà kể!

Ngài quả xong, ngôi miếu bỗng nhiên sụp đổ. Từ đó dân chúng

trong làng gọi ngài là Thánh con.

Năm hai mươi hai tuổi ngài xuất gia. Năm ba mươi tuổi gặp được Tôn giả Ma-noa-la và được truyền trao pháp nhãn. Sau đó ngài hoằng hóa đến vùng Trung Ấn. Quốc vương nước này tên là Vô Úy Hải, rất sùng tín Phật đạo, ngài thường vào cung diễn nói Phật pháp cho vua nghe. Có một lần vua bỗng thấy có hai người mặc đồ trắng đến lễ lạ ngài, vua bèn hỏi:

- Hai người đó là ai?

- Đó là Nhật Thiên tử và Nguyệt Thiên tử, trước đây ta từng nói pháp cho họ nghe, nên nay họ đến để lễ tạ.

Lát sau không thấy họ đâu cả, mà chỉ ngửi thấy mùi thơm rất lạ. Vua hỏi:

- Cõi nước của Nhật, Nguyệt cả thấy rộng bao nhiêu?

- Bằng thế giới của một ngàn Phật Thích-ca giáo hóa, mỗi một thế giới có hằng sa Nhật, Nguyệt. Dù ta diễn nói rộng đến đâu cũng không sao nói hết.

Vua nghe ngài nói, trong lòng vô cùng vui mừng. Bấy giờ ngài diễn nói đạo pháp vô thượng, độ những người có căn duyên. Đệ tử thượng thủ của ngài là Long Tử, nhưng ông này mất sớm. Long Tử có người anh là Sư Tử, vốn là người học rộng nhớ dai, thờ Bà-la-môn. Thầy ông quy tịch, em ông cũng mất, Sư Tử bèn đến quy y ngài và hỏi rằng:

- Con muốn cầu đạo, phải dụng tâm thế nào?

- Ông muốn cầu đạo phải không có chỗ dụng tâm.

- Đã không có chỗ dụng tâm thì ai làm Phật sự?

- Nếu ông có dụng tâm tất không có công đức, nếu ông không làm, đó mới chính là Phật sự, kinh ghi: “Ta làm công đức nhưng vốn vô ngã.”

Sư tử nghe đến đây liền thể nhập vào Phật tuệ. Bấy giờ ngài bỗng chỉ hướng Đông bắc rồi hỏi:

- Đó là khí tượng gì?

- Con thấy một luồng khí như cầu vồng trắng xuyên suốt trời đất, lại thấy năm đường khí đen bắt ngang trong ấy.

- Điều ấy thế nào?

- Không thể biết được.

Ngài nói: Sau khi ta diệt độ năm mươi năm, tai nạn xảy ra ở Bắc Thiên Trúc liền lụy đến thân ông, ông nên nhớ kỹ. Ta sắp đi đây. Nay ta đem pháp nhãn giao phó cho ông, ông phải khéo tự giữ gìn, nghe ta

nói kệ:

*Khi nhận được tâm tánh
Mới nói chẳng nghĩ bàn
Rõ ràng không nắm bắt
Khi được chớ nói biết.*

Tỳ-kheo Sư Tử nghe kệ xong vô cùng vui mừng, nhưng ngài chưa biết phải bị nạn gì, Tôn giả bèn mật chỉ cho ngài. Nói xong Tôn giả hiện mười tám tướng biến hóa rồi thị tịch. Sư Tử trà-tỳ phân chia xá-lợi, ai nấy đều muốn dựng tháp cúng dường. Tôn giả lại hiện trên hư không nói kệ rằng:

*Một pháp tất cả pháp
Tất cả nằm trong một
Thân ta chẳng có không
Sao phân tất cả pháp.*

Đại chúng nghe xong liền không phân chia nữa, bèn dựng tháp lớn ở đạo tràng Đà đô. Bảy giờ là năm Kỷ Sửu, nhằm đời Hậu Hán Hiến Đế năm thứ hai mươi.

15. Đạo giáo bắt đầu làm ra Linh bảo Tiểu Chương:

Bính Thân: Trương Lăng là khách đất Thục, ở núi Học Minh soạn ra kinh này, lại tạo ra Chương Tiểu Đạo Thư gồm hai mươi bốn quyển, để mê hoặc bá tánh. Lăng truyền lại cho Tử Hành, Hành truyền cho Tử Lỗ. Ba người ấy tự xưng là Tam sư. Kết cấu với giặc cướp mưu đồ làm phản. Sau đó Tào Tháo xua binh đến đất Thục, bọn họ đều ra đầu hàng. Bọn giặc áo vàng bị giết sạch. Quỷ pháp của ba kẻ họ Trương phát xuất từ đây.

Kỷ Hợi: Tháng giêng Ngụy Vương Tào Công mất. Con ông là Phi lên nối ngôi. Tháng ba, đổi niên hiệu là Kiến Khương. Tháng mười Hiến đế truyền ngôi thiên tử cho Phi, lấy quốc hiệu là Ngụy, đổi niên hiệu là Hoàng Sơ. Phi Phong đế làm Sơn Dương Công, bốn người con của ông ta được phong làm liệt hầu. Niên hiệu Thanh Long năm thứ ba, Sơn Dương Công mới mất, thọ năm mươi bốn tuổi. Phi dùng nghi thức của thiên tử nhà Hán an táng ông tại Thiển lăng.

Đông Hán gồm mười hai đời vua, trị vì được một trăm chín mươi lăm năm.

TAM QUỐC:

Thục và Ngô chép kèm trong niên kỷ của Ngụy.

Ngụy: Gồm năm đời vua, Vương Thổ Đức họ Tào, đóng đô ở đất Nghiệp.

Lôi Thị nói: Ngụy Vũ, Văn, Minh, Tề Phương, Cao Quý, Trần Lưu thì về tay nhà Tấn. Năm đời vua trị vì bốn mươi tám năm.

16. Ngụy Vũ Đế: (Canh Tý)

Tên là Tháo, tự Mạnh Đức, người đất Bái, hậu duệ của Hán tướng Quốc Tham. Ông làm tướng nhà Hán, phá giặc khản vàng bình định thiên hạ, tự soạn bộ binh thư gồm ba mươi sáu quyển, lại chú giải Tôn tử binh pháp. Hán phong ông làm Ngụy Vương, thọ sáu mươi sáu tuổi, an táng ở Cao lăng, Lạc Dương, thụy là Thái Tổ Vũ Hoàng Đế.

Văn Đế: Tên là Phi tự là Tử Hoàn, con của Vũ Đế, nhận ngôi thiên tử từ nhà Hán, tháng năm năm Đinh Mùi mất ở điện Gia Phúc, an táng ở Thủ lăng, thọ bốn mươi tuổi. Ông đổi niên hiệu là Hoàng Sơ, trị vì được bảy năm.

17. Thục Tiên chủ: (Tân Sửu)

Ông họ Lưu, gồm hai đời vua, đóng đô ở đất Thục. Lôi thị nói: Thục có hai đời vua, trị vì tổng cộng bốn mươi bốn năm.

Tiên chủ: Tên là Bị, tự Huyền Đức, người ở Trác quận, là cháu của Hán Cảnh Đế, con của Trung sơn Tĩnh Vương Thắng. Ba lần ông đến lều tranh mời Gia Cát Lượng làm mưu tướng, Quan Vũ, Trương Phi làm tướng võ. Ông dựng lên nhà Thục được ba năm, mất ở cung Vĩnh an, an táng ở Tuệ lăng, thọ sáu mươi ba tuổi, thụy là Chiêu Liệt Đại Đế. Ông đổi niên hiệu là Chương Vũ.

Ngô: Họ Tôn, đóng đô ở Kim lăng. Lôi thị nói: Quyền, Lượng, Hưu, Hạo bốn đời vua trị vì sáu mươi hai năm.

18. Ngô Đại Đế: (Nhâm Dần)

Tên là Quyền, tự là Trọng Mưu, con của Hán tướng quân Kiên Hậu Duệ của Cái Tôn Vũ Tử, người ở Phú xuân, Ngô quận. Hoàng Long năm đầu, lên ngôi ở Nam giao, dời đô về Kiến nghiệp. Thái nguyên năm thứ hai, đổi niên hiệu là Thần Phụng. Đến tháng tư thì mất, an táng ở Tương lăng, thọ bảy mươi một tuổi, thụy là Đại Đế. Ông đổi niên hiệu là Hoàng Vũ, trị vì ba mươi một năm.

Luận rằng: Từ nhà Hán đến nay, thiên hạ được thống nhất. Sau niên hiệu Kiến An. Thiên hạ mới phân thành thế chân vạc. Viên, Tào tranh nhau ở Trung nguyên; Lưu, Tôn giành nhau ở Giang hiệp. Bụi lấp Ngũ nhạc, mây dôn chín châu. Hoặc có người truyền được hai đời rồi mở nghiệp Đế, hoặc có người chia thành ba đời rồi mở nghiệp Bá. Do đó mới khiến họ Ngụy ép Thiên tử, ra lệnh chư hầu, họ Lưu dựa vào Kiếm cát, bảo hộ Đế vương; họ Tôn anh lược cát cứ Trường Giang, Hoàn Vũ mưu mẹo, Ngọa Long uy lực, hùng cứ một phương đua nhau thôn tính. Ai nấy đều giành giật đất đai cố giữ bờ cõi, lôi kéo kẻ hào kiệt để làm tay chân, hậu đãi kẻ tài năng lấy khách làm quốc bảo, thầy giỏi pháp hay từ đây mà khởi. Tăng Hội đến đất Ngô, xá-lợi diệu linh sáng ngời vùng Giang tả, Ca-la đến đất Ngụy, luật cấm liền mở rộng ở Lạc đô. Ngũ giới, Tam quy từ đây đại thịnh, chùa tháp từ đó mọc lên rất nhiều, dịch giả theo thời dùng đủ ngữ ngôn, phiên dịch nghĩa kinh, nêu bày danh mục. Thế nên mới có bản dịch nước Ngô, nước Thục, nước Tấn rất hay. Sự nghiệp phiên dịch sau này bắt nguồn từ đây, mà các dòng phái bị mất các bản dịch cũng trong thời này. Hơn nữa Tam quốc chia thành thế chân vạc, thì đâu chỉ có Tây Thục không chép niên đại. Nay đề cập đến niên kỷ của Đại Ngô, nhưng đạo tục trong Ngụy triều cũng nêu đủ trong ấy.

Giáp Thìn: Thục Hậu Chủ: Tên là Thiện, tự là Công Tự. Con của Tiên Chủ. Ông đổi niên hiệu là Kiến Hưng, trị vì được bốn mươi một năm, mất ở đất Lạc. Ngụy Thanh Long năm thứ hai, Vũ Hầu mất. Cảnh Nguyên năm thứ tư Thục hàng Ngụy, Thục bị diệt vong.

19. Sa-môn Duy-kỳ-nan và Ưu-bà-tắc Chi Khiêm:

Sa-môn Duy-kỳ-nan (Hán dịch là Chương Ngại) là người Thiên Trúc. Ông cùng Sa-môn Trúc Luật Viêm đến quận Vũ Xương và dịch được hai bộ kinh. Đến khi Kỳ-nan mất, Luật Viêm ở lại Dương đô dịch được ba bộ kinh, gồm ba quyển. Bấy giờ Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, tự là Cung Minh, người nước Nguyệt Thi, bắt đầu đến Lạc áp thọ học với Chi Lượng. Lượng tự là Kỷ Minh thọ học với Chi-sấm. Người thời bấy giờ cho rằng, kẻ học rộng nghe nhiều trong thiên hạ không ai giỏi hơn ba người họ Chi này. Khiêm là người học khắp điển thư, nhưng vì ông có thân hình nhỏ thó đen gầy, mắt có nhiều tròng trắng, đồng tử có màu vàng, nên người đương thời thường nói: Gã họ Chi, đồng tử có màu vàng, thân hình tuy nhỏ bé nhưng là cái tú trí tuệ. Đến khi đất Tiết rơi vào tay nước Ngô, Ngô chủ gặp được ông trong lòng vô cùng vui mừng,

bền phong làm Bác sĩ, ông dịch được một trăm hai mươi chín bộ kinh, gồm một trăm năm mươi hai quyển.

20. Minh Đế: (Đinh Mùi)

Tên là Duệ, tự là Nguyên Trọng, con của Thông Ngô Năng Văn. Ông đổi niên hiệu là Thái Hòa. Năm Canh Thân niên hiệu Cảnh Sơ thứ ba, mất ở điện Gia khúc, an táng ở Cao bình lăng, thọ ba mươi sáu tuổi, trị vì được mười ba năm.

21. Truyện về Tào Thực:

Trần Tư Vương Tào Thực, tự là Tử Kiến, con giữa của Vũ Đế. Năm mười tuổi ông đọc lâu hơn mười vạn lời trong Thi Thư. Ông rất giỏi về tài học thuộc lòng. Thái Tổ lấy làm lạ bèn hỏi:

- Người là thần đồng phải không?

- Phát ngôn thì thành luận, hạ bút thì thành chương, cứ thử xem khắc biết, chứ có gì là thần đồng đâu!

Lớn lên, ông thông thạo tất cả nghệ thuật của thế gian. Hàm Đan Thuần gặp ông kinh hãi thốt lên: Đáng làm người trời! Mỗi khi đọc kinh Phật, Thực không ngớt ngợi khen, cho kinh Phật là Tông cao nhất của đại đạo. Ông đọc kinh bằng bảy thanh, âm hưởng thẳng trầm khúc chiết. Người đời đều bắt chước giọng đọc của ông.

Có một lần ông lên chơi ở Ngự sơn, nghe trong núi có một thứ âm thanh rất dị thường, thoang thoảng dịu dàng, uyển chuyển như gió thu, nhân đó ông liền mô phỏng theo âm thanh ấy soạn ra Phạm tán. Ngày nay trong pháp sự có điệu Ngưu sơn Phạm. Đó là thanh điệu do ông truyền lại.

Ban đầu Ngụy Vũ Đế muốn lập ông thừa kế, Thực bèn lao vào rượu chè tự hủy hoại mình, do đó ông tránh được cha truyền ngôi. Văn Đế rất ghét cái tài của ông, thường nhận chìm cái tài của ông mà không dùng đến. Ông có lần xin được thi tài nhưng Văn Đế không dám. Về sau, chỉ trong vòng mười một năm vua đời chỗ ở của ông đến ba lần. Thực càng nản chí, sau đó thì mất. Năm ba mươi một tuổi lần đầu tiên ông lên Ngự sơn, đến vùng Đông a, ông bùi ngùi có ý muốn chết ở đây, nên bèn đắp mộ, dặn dò con mình chỉ an táng sơ sài thôi. Lúc còn sống, Thực không tin Hoàng, Lão, nên viết Biện Đạo Luận để bày tỏ quan điểm của mình. Bộ luận ấy ngày nay được chép trong Hoàng Minh Tập thuộc Tạng Kinh.

Kỷ Dậu: Ngô xưng Đế, dời đô về Kiến Nghiệp, đổi niên hiệu là

Hoàng Long.

Nhâm Tý: Ngô đổi niên hiệu là Gia Hòa.

Quý Sửu: Đổi niên hiệu là Thanh Long.

Đinh Tỵ: Đổi niên hiệu là Cảnh Sơ, lấy tháng Sửu làm tháng giêng.

Mậu Ngọ: Thục đổi niên hiệu là Diên Hy. Ngô đổi niên hiệu là Xích Ô.

22. Tề Vương: (Canh Thân)

Tên là Phương, tự là Lan Khanh, Minh Đế không có con, mới nuôi con của Tần Vương là Tuân, mọi người trong cung đều không hay biết. Năm tám tuổi nối nghiệp nhà Ngụy. Đến niên hiệu Gia Bình thứ sáu, bị Tư Mã Ý phế. Ông trị vì được mười ba năm.

23. Khương Tăng Hội đến đất Ngô. (Tân Dậu)

Căn cứ Ngô Thư có ghi: Xích Ô năm thứ tư, có con của đại thừa tướng nước Khương Cư là họ Khương tên Tăng Hội đến đây. Ông bỏ tục xuất gia, lấy việc hoàng hóa làm sự nghiệp, du hóa đến Kiến khương dựng lều tranh và ở đó. Ông đúc tượng hành đạo, ban đầu người nước Ngô thấy ông, họ cho ông làm trò yêu dị. Bấy giờ có quan tâu với Ngô chủ, Ngô chủ muốn bắt nhốt ngài. Vua xuống chiếu dẫn ngài đến xét hỏi. Tăng Hội nói: Đại sư Như Lai diệt độ đã ngàn năm, nhưng linh cốt xá-lợi thần ứng khôn lường. Xưa A-dục vương phân xá-lợi ấy dựng tám mươi bốn ngàn tháp nhằm lưu lại dấu tích hoàng hóa của ngài.

Tôn Quyền cho ngài bịa đất, liền nói: Ta được xá-lợi sẽ dựng tháp ngay, nếu quả thật không có ông sẽ bị quốc pháp gia hình.

Ngài xin Quyền thời hạn bảy ngày, rồi nói: Đại pháp thịnh hay suy chỉ phụ thuộc vào lần này, các ông phải phải nên gội rửa thân tâm, ăn chay khẩn cầu.

Đến hết kỳ hạn nhưng vẫn không có hiệu nghiệm. Ngài lại xin thêm bảy ngày nữa. Sau bảy ngày đó cũng chẳng có hiệu nghiệm, Quyền chuẩn bị hành hình ngài. Hội lặng yên suy nghĩ: Chư Phật chân từ, lẽ đâu trái với ước nguyện của ta chẳng! Lại xin thêm bảy ngày nữa và lấy cái chết để khẩn cầu xá-lợi. Bảy ngày ấy cũng trôi qua nhưng vô hiệu nghiệm. Ai nấy đều khiếp sợ mất vía, năm hồi trống hành hình vừa dứt, bỗng nghe tiếng đàn cầm, đàn sắt khu vang, ngài đứng dậy nhìn vào trong bình thì ngũ sắc trong ấy phát ra tua tủa. Ngài liền hô lớn: Nguyện của ta thành rồi! Vua dân cùng đến mà xem!

Quyền cùng công khanh xúm nhau xem, rồi thốt lên:

- Quả là điềm lành ít có trong đời vậy!

Hội nói: Oai thần của xá-lợi, tất cả thế gian đều không thể hủy hoại được. Nghe vậy, Quyền bèn sai lực sĩ cầm chùy nện, cái chùy nát vụn mà quang minh xá-lợi chẳng hề hấn gì. Thế là ngài bèn dựng tháp, lập chùa, độ chúng. Nơi ấy được đặt tên là Phật Đà Lý, chùa hiệu là Kiến Sơ, Khương Tăng Hội trụ trì ở đó.

24. Hám Trạch luận về Phật:

Hám Trạch tự là Đức Nhuận, người ở Sơn âm, Cối kê. Gia đình làm nông nhưng Trạch rất hiếu học. Nhà nghèo không tiền ăn học, nên ông thường viết thư cho người ta để lấy tiền trang trải. Những gì ông viết cho họ thấy đều thuộc lòng. Do đó ông là người học rộng biết nhiều. Ngu Phiên gặp ông bất giác khen rằng: Trò Hám là người ngay thẳng, xuất chúng, đáng làm môn hạ của Trọng Thư, Tử Vân.

Trạch làm quan nước Ngô, ông giữ chức thái tử thái phó. Khi Khương Tăng Hội vào đến đất Ngô. Ngô chủ hỏi ông rằng: Phật giáo lưu nhập Trung Quốc vào năm nào của nhà Hán? Vì duyên gì mà không lưu nhập đến đây?

Trạch đáp: Vĩnh Bình năm thứ mười một Phật pháp mới đến Trung Quốc. Tính đến niên hiệu Xích Ô thứ tư hiện nay là một trăm bảy mươi năm rồi. Vĩnh Bình năm thứ mười bốn, bọn đạo sĩ ở Ngũ nhạc như Chử Thiện Tín... đã xin vua cùng so tài với các vị Tăng ở Tây Vực. Do Thiện Tín làm bậy nên bị chết. Học trò ông ấy đem thầy ông an táng ở Nam nhạc. Từ đó vua ra lệnh hễ là người Trung Quốc thì không được xuất gia, nên không có người hoằng truyền đạo pháp. Hơn nữa do thời thế ly loạn, nên mãi đến năm này Phật pháp mới đến được nước ta.

Ngô chủ hỏi: Khổng Tử soạn ra điển thuật, giáo hóa người khác: Lão Trang tu thân tự vui một mình, dạo chơi nơi núi rừng, giữ tâm đạm bạc, thế sao họ không thờ Phật?

Trạch đáp: Khổng giáo và Lão giáo theo phép trời mà lập thuyết, nên chẳng dám trái với ý trời. Còn Phật giáo thì chư Thiên đều phụng hành mà chẳng dám trái lời Phật dạy. Từ đó mà xét thì ngài liền thấy sự kém thua (Trích từ Tông Bính Minh Phật Luận).

25. Tổ 24: Sư Tử Tôn giả:

Giáp Tý bốn mươi chín (Định Mão)

Ngài thuộc dòng dõi Bà-la-môn, sinh trưởng tại Trung Ấn. Sau khi

đắc pháp với Tôn giả Hạc lặc -na, ngài hoằng hóa đến nước Kế Tân.

Trong nước này có Sa-môn tên là Bà-lợi-ca, chuyên tu tập thiền quán. Môn đồ của Bà-lợi-ca chia làm năm chúng là thiền định, tri kiến, chấp tướng, xả tướng và tịnh khẩu. Ngài đến đây thuyết pháp giáo hóa họ, bốn chúng đều lặng yên tâm phục. Chỉ có chúng thiền định do Đạt-ma-đạt cầm đầu, nghe bốn chúng quy phục liền tức giận đến tìm ngài.

Ngài hỏi: Nhân giả tu tập thiền định cố gì lại đến đây, đã đến đây rồi sao gọi là tập định được?

Đạt-ma-đạt đáp:

- Ta tuy đến đây nhưng tâm không loạn, định tùy người tập lẽ đâu ở tại xứ sở!

- Nhân giả đến, cái tập ấy cũng đến, đã không có xứ sở lẽ đâu lại do người tập?

- Định tập người chứ không phải người tập định, dù ta đến đây nhưng cái định ấy vẫn thường tập.

- Người chẳng phải tập định mà là định tập người, ngay lúc ông đến đây thì cái định ấy tập ai?

- Như minh châu sáng sạch trong ngoài đều không tỳ vết, nếu tập định thông đạt thì cũng giống như vậy.

- Nếu định đã thông đạt thì tất giống minh châu, nhưng nay tôi thấy Nhân giả không giống như minh châu!

- Hạt châu kia sáng sạch trong suốt, trong ngoài đều định. Tâm tôi không loạn thì cũng sạch như hạt châu kia.

Ngài nói:

Hạt châu ấy không có trong ngoài, nhân giả làm sao định được? Vật như chẳng giao động, định này chẳng phải sạch.

Đạt-ma-đạt được ngài khai ngộ, tâm địa bỗng rỗng rang. Ngài nhiếp phục được cả năm chúng, từ đó danh tiếng vang xa.

Ngài mới dự định tìm người nối pháp, bỗng gặp một ông trưởng giả dẫn con mình đến và hỏi rằng:

- Thằng bé này tên là Tư-đà, từ khi sinh ra, tay trái cứ nắm chặt, đến nay lớn rồi nhưng cũng chẳng mở ra, xin Tôn giả từ bi chỉ rõ tíc nhân đời trước của nó.

Ngài nhìn thằng bé rồi đưa tay ra và bảo:

- Trả hạt châu lại cho ta!

Thằng bé liền xòe bàn tay dâng hạt châu cho ngài. Mọi người thấy thế vô cùng ngạc nhiên. Ngài liền giải thích:

- Kiếp trước ta làm Tỳ-kheo, có một Thị giả tên là Bà-xá. Khi đó

ta có lần phó hội ở Long cung Tây Hải, thọ trai xong vua dâng cho ta hạt minh châu, ta giao hạt minh châu ấy cho Bà-xá giữ, nay nó trả lại cho ta, đó là lẽ thường thôi!

Trưởng giả nghe vậy bèn cho con mình xuất gia. Ngài liền truyền trao Cụ túc giới cho Tư-đa. Do có nhân duyên đời trước nên ngài đặt tên Tư-đa là Bà-xá-tư-đa. Sau đó ngài bảo Tư-đa rằng: Thầy ta có ngâm huyền ký cho ta, không bao lâu nữa ta sẽ bị nạn. Nay ta đem đại Pháp nhãn tạng của Như Lai truyền trao cho ông, ông phải khéo giữ gìn để giáo hóa hậu học. Rồi ngài nói kệ:

*Ngay lúc nói tri kiến
Tri kiến đều là tâm
Tâm ấy là tri kiến
Tri kiến tức hiện nay.*

Nói kệ xong, ngài đem Y Tăng-già-lê mật truyền cho Tư-đa, bảo ông phải đến nước khác tùy cơ diễn hóa. Tư-đa nhận lãnh lời thầy dạy lập tức đi về Nam Ấn. Bấy giờ là năm Đinh Mão, nhằm đời Ngụy Tề Vương Phương niên hiệu Nguyên Thỉ năm thứ tám.

Ngài biết rằng: Tai nạn không thể tránh khỏi, nên một mình ở lại nước Kế Tân. Bấy giờ trong nước này có hai ngoại đạo. Một người tên là Ma-mục-đa, người thứ hai tên là Đô-lạc-già. Hai người này học các huyền thuật muốn cùng mưu đồ làm phản, bèn giả làm đệ tử Phật lên vào vương cung và bảo nhau rằng: Nếu việc không thành thì quy tội cho đệ tử Phật.

Cứ thế hai người dùng yêu thuật gây họa không biết bao nhiêu mà kể, cuối cùng bị bại lộ. Vua nổi giận quát:

- Ta chí thành quy y Tam bảo, sao nay các ngươi cấu kết hại ta?

Vua liền ra lệnh đập phá chùa chiền, đánh đuổi Tăng chúng, rồi tự tay cầm kiếm đến chỗ của ngài hỏi rằng:

- Thầy chứng được ngũ ấm đều không chưa?

- Đã được.

- Ra khỏi sống chết chưa?

- Ra rồi.

- Đã ra khỏi sống chết vậy cho ta cái đầu được chăng?

- Thân này vốn chẳng phải của ta thì tiếc gì cái đầu.

Vua liền vung kiếm chặt đầu ngài. Từ nơi cổ ngài phun ra một dòng sữa trắng cao đến mấy thước. Cánh tay phải của vua cũng đứt lìa, bảy ngày sau vua băng hà.

Thái tử Quang Thủ lên ngôi, rồi than rằng: Cha ta vì cố gì mà tự

chước lấy họa! Khi ấy có vị Tiên nhân tu ở núi Tượng bạch, ông hiểu thấu nhân quả, nên liền đến nói rõ túc nhân giải tỏa mối nghi cho Thái tử (việc này có ghi trong Thánh Trụ Tập và Bửu Lâm Truyện). Thái tử nghe xong liền đem báo thân của Tôn giả Sư Tử dựng tháp cúng dường.

Ngài phó pháp và tín y cho Bà-xá-tư-đà làm người chánh truyền. Ngoài ra đệ tử đặc pháp còn có Đạt-ma-đạt, vị này truyền được bốn đời, cả thầy hai mươi hai Tôn giả.

Khi ngài bị nạn là năm Kỷ Mão, nhằm đời Ngụy Cao Quý Hương Công.

Kỷ Ty: Đổi niên hiệu là Gia Bình.

26. Đàm-ma-ca-la... truyền bá Luật tạng:

Niên hiệu Gia Bình năm thứ hai, Đàm-ma-ca-la và Bà-phân-đà từ Tây Trúc đến Lạc Dương. Hai vị này cùng Khương Tăng Khải... dịch rất nhiều kinh. Trong Tứ Phần Luật sao chép: Từ nhà Hán đến nay, dòng pháp chảy tràn quốc độ. Tỳ-kheo chỉ cạo đầu nhưng chưa có luật nghi, ứng trai lễ sám giống như cúng tế. Đến đầu đời Tào Ngụy thì hành lễ giống như nghi thức nhà Hán. Trong khoảng niên hiệu Gia Bình, Đàm-ma-ca-la (Hán dịch là Tứ Thời) từ Thiên Trúc sang cùng Phạm tăng Đàm-vô-đức, Khương Tăng Tạng, Sư Địa Lê-trà-da là đệ tử đời thứ chín của A-du-xà, Tạng là người nối nghiệp thầy rất giỏi về Luật tông, chiếu theo nghi pháp chọn mười vị Tăng chấn hưng Luật tạng, nhưng lấy giới tâm làm điểm chính cho hàng ngày. Lại lập ra pháp Yết-ma thọ giới Cụ túc. Giới luật của Trung Hạ khởi nguyên từ đây.

Tân Mùi: Ngô đổi niên hiệu là Thái Nguyên, Thế Tôn diệt độ được một ngàn hai trăm năm.

Nhâm Thân: Ngô Vương: Tên là Lượng, tự là Tử Minh, con út của Tôn Quyền. Ông lên ngôi năm mười tuổi, đổi niên hiệu là Kiến Hưng, trị vì được bảy năm. Sau Tôn Lâm phế Lượng xuống làm Cối Kê Vương, lập anh ông là Tôn Hưu làm vua.

27. Cao Quý Hương Công: (Giáp Tuất)

Tên là Mao, tự là Sĩ Ngạn, cháu của Văn Đế, con của Đông Hải Định Vương Lâm. Năm Kỷ Mão bị Tư Mã Chiêu giết chết, thọ hai mươi tuổi. Ông đổi niên hiệu là Chánh Nguyên, trị vì được sáu năm.

Năm này Ngô đổi niên hiệu là Ngũ Phụng.

Bính Tý: Đổi niên hiệu là Cam Lộ. Ngô đổi niên hiệu là Thái

Bình.

Mậu Dân: Thục đối niên hiệu là Cảnh Diệu.

Ngô Vương: Tên là Hưu, tự là Tử Liệt, con thứ sáu của Tôn Quyền,

Tôn Lâm phế Lượng rồi lập ông. Ông đổi niên hiệu là Vĩnh An năm đầu, trị vì được sáu năm, thọ ba mươi tuổi.

28. Giặc loạn ở Kế Tân, liên lụy đến Phật giáo:

Ất Mão: Bọn giặc ở nước Kế Tân mượn hình tướng Tỳ-kheo để làm loạn. Vua nổi giận cho rằng họ Thích vô ơn, bèn phá chùa đuổi tăng. Bấy giờ, Tổ thứ hai mươi bốn là Tôn giả Sư Tử bị nạn này mà mất.

29. Trần Lưu Vương

Tên là Hoán, cháu của Vũ Đế, con của Yên Vương Vũ. Tháng sáu năm này, tướng quân Tư Mã Sư giết Cao Quý Hương Công rồi lập Thường Đạo Hương Công làm vua (tức là Hoán).

Tháng hai niên hiệu Hàm Hy thứ hai, ông nhường ngôi cho Tấn Vương, Tấn Vương kiên quyết chối từ. Tháng tám thì ông mất. Bấy giờ Tôn Tấn Viêm kế vị. Vua nhường ngôi cho Viêm, Viêm lên ngôi lập ra Tây Tấn. Ông trị vì được năm năm.

30. Sa-môn Châu Sĩ Hành bắt đầu giảng kinh:

Tân Ty: Sa-môn Châu Sĩ Hành giảng kinh Đại Hành Bát-nhã ở Lạc Dương. Do bộ kinh này nghĩa lý thì đủ nhưng văn tự thiếu sót, nên ông liền đến nước Vu-điền để tìm nguyên bản. Ông là người đầu tiên giảng kinh trong thời Hán.

Quý Mùi: Thục đổi niên hiệu là Viêm Hưng. Tướng Ngụy là Đặng Ngải đem binh đánh Thục, Hậu chủ dẫn quân ra hàng, nước Thục bị diệt vong.

Hai đời vua Hán ở đất Thục trị vì được bốn mươi ba năm. Sau bị Ngụy thôn tính.

Giáp Thân: Niên hiệu Hàm Hy năm đầu của Ngụy.

Ngô Vương: Tên là Hạo, tự là Nguyên Tông, con của Tôn Hòa. Ban đầu muôn dân tôn ông là Minh chủ, nhưng về sau ông dâm loạn, bạo ngược. Có lần ông chĩa chặt đầu người hoặc róc da mặt, móc mắt tội nhân. Ông trị vì được mười bảy năm, mất ở Lạc Dương, thọ bốn mươi hai tuổi, đổi niên hiệu là Nguyên Hưng.